



CHÙA PHỔ GIÁC
ENLIGHTENMENT BUDDHIST CENTER
100 Pinkston Rd., Novato, CA, 94945
ChuaPhoGiacMarin@gmail.com

KINH PHÁP CÚ



Song ngữ Anh-Việt kèm hình minh họa

01/2026

LỜI NÓI ĐẦU

Kinh Pháp Cú là một trong 15 quyển kinh thuộc Tiểu Bộ Kinh trong Kinh Tạng Pali. Đây là một quyển kinh Phật giáo rất phổ thông và đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Nhiều học giả coi bộ kinh này như là Thánh Thư của đạo Phật.

“Pháp” có nghĩa là đạo lý, chân lý, giáo lý. “Cú” là lời nói, câu kệ. “Pháp Cú” là những câu nói về chánh pháp, những lời dạy của đức Phật. Cho nên “Kinh Pháp Cú” còn được gọi là “Kinh Lời Vàng” hoặc “Lời Phật Dạy”.

Kinh Pháp Cú là một tập hợp những câu dạy ngắn gọn nhưng đầy ý nghĩa của đức Phật Thích Ca trong ba trăm trường hợp giáo hóa khác nhau. Những câu này do chính đức Phật khi còn tại thế nói ra trong suốt gần nửa thế kỷ thuyết pháp của Ngài. Các câu này về sau được các vị đại đệ tử của đức Phật sắp xếp thành 423 bài “kệ”, chia ra làm 26 “phẩm” và tụng đọc trong Đại Hội Kết Tập Kinh Điển lần đầu tiên sau khi đức Phật nhập diệt.

Để biên soạn cuốn *Kinh Pháp Cú* song ngữ Anh-Việt này, chúng tôi đã sử dụng bản tiếng Việt của Hòa Thượng Thích Minh Châu (Sài Gòn, Việt Nam, 1966), với một số thay đổi về từ ngữ để bản dịch trở nên gần gũi với Phật tử và đại chúng ngày nay hơn, và do đó dễ hiểu, dễ nhớ hơn. Phần tiếng Anh chúng tôi sử dụng công trình “The Path of Truth” của quý thượng tọa Bhikkhu Khantipalo & cùng Sister Susanna, Sydney, Australia, 1993. https://www.budsas.org/uni/u-kinh-phapcu-ev/dhp_idx.htm

Ngoài ra, chúng tôi cũng có tham khảo, đối chiếu và trích dụng bản dịch của cố Cư sĩ Tịnh Minh Đặng Ngọc Chúc
<https://quangduc.com/p157a7809/3-thi-ke-phap-cu-pali-anh-viet-phan-mo-dau->

Bên cạnh đó, quyển Kinh Pháp Cú này còn có điểm đặc biệt là phần “đọc thêm”, được biên soạn theo thể thơ lục bát, có âm điệu du dương như ca dao hồn Việt của cư sĩ Tâm Minh Ngô Tăng Giao.
<https://quangduc.com/a29469/kinh-phap-cu>. Những khổ thơ lục bát này được đưa vào kèm với các hình minh họa mà cư sĩ đã trích dẫn từ tác phẩm *Illustrated Dhammapada* của Ven. Waagoda Sarada Maha Thero và *Illustrations* của Mr. P. Wickramanayaka. Hình bìa trước được lấy từ trang <https://discourse.suttacentral.net/t/most-beautiful-pictures-artwork-of-the-buddha-buddhism-related/13911/20?page=2>.

Chúng tôi xin được tỏ lòng tri ân những bậc tiền bối - "người không lồ" - đã cùng nhau đóng góp kiến thức và công sức, nhờ vậy chùa Phổ Giác mới hoàn tất được công trình Kinh Pháp Cú này.

Cũng xin tỏ lòng tri ân với Nhà In Hội Ba-La-Mật Chicago, tiểu bang Illinois, do sư cô Viên Huệ kết nối. Giữa bao nhiêu việc bận bịu của những ngày cuối năm, anh Quảng Hương đã nhận lời ấn tống cúng dường các quyển kinh này cho đạo tràng Chùa Phổ Giác. Thật lành thay! Thật đáng quý thay!



PREFACE

The *Dhammapada* is one of the fifteen texts belonging to the Minor Collection (*Khuddaka Nikāya*) of the Pāli Canon. It is a very well-known Buddhist scripture and has been translated into many languages around the world. Many scholars regard this text as a kind of sacred scripture of Buddhism.

“Dhamma” means doctrine, truth, or teaching. “Pada” means words or verses. Thus, *Dhammapada* consists of statements about the true Dharma, the teachings of the Buddha. For this reason, the *Dhammapada* is also known as “The Golden Words” or “The Buddha’s Teachings.”

The *Dhammapada* is a collection of concise yet profound teachings of the Buddha Śākyamuni, delivered on three hundred different occasions of instruction. These verses were spoken directly by the Buddha during nearly half a century of his preaching while he was still alive. Later, the great disciples of the Buddha compiled these teachings into 423 verses, divided into 26 chapters, and recited them at the First Council for the Compilation of the Scriptures after the Buddha’s passing into final Nirvana.

In compiling this bilingual English–Vietnamese edition of the *Dhammapada*, we used the Vietnamese version by the Most Venerable Thích Minh Châu (Saigon, Vietnam, 1966), with certain adjustments in wording so that the translation would be closer to contemporary Buddhists and the general public, and therefore easier to understand and remember. For the English portion, we relied on the work *The Path of Truth* by the Venerables Bhikkhu Khantipalo and Sister Susanna, Sydney, Australia, 1993 https://www.budsas.org/uni/u-kinh-phapcu-ev/dhp_idx.htm

In addition, we also consulted, compared, and quoted from the translation by the late lay Buddhist Tịnh Minh Đăng Ngọc Chúc.
<https://quangduc.com/p157a7809/3-thi-ke-phap-cu-pali-anh-viet-phan-mo-dau->

Another distinctive feature of this edition of the *Dhammapada* is the “Further Reading” section, composed in the traditional Vietnamese *lục bát* poetic form, with a gentle, melodious rhythm reminiscent of Vietnamese folk poetry, by the lay Buddhist Tâm Minh Ngô Tằng Giao.
<https://quangduc.com/a29469/kinh-phap-cu>. These *lục bát* verses are presented together with illustrations excerpted by the author from *Illustrated Dhammapada* by Ven. Waagoda Sarada Maha Thero and *Illustrations* by Mr. P. Wickramanayaka. The front cover’s image is copied from this page <https://discourse.suttacentral.net/t/most-beautiful-pictures-artwork-of-the-buddha-buddhism-related/13911/20?page=2>

We would like to express our deep gratitude to the venerable predecessors and lay persons— the “giants” upon whose shoulders we stand - who collectively contributed their knowledge and efforts, making it possible for Phở Giác Temple to complete this *Dhammapada* project.

We also wish to express our sincere thanks to the Ba-La-Mật Association Printing House in Chicago, Illinois, through the connection of Venerable Sister Viên Huệ. Amid the many pressing tasks of the year’s end, Mr. Quảng Hương graciously accepted the task of printing and offering these scripture volumes to the Phở Giác Temple sangha. How wholesome it is! How precious it is!



MỤC LỤC

LIST OF CONTENTS

(1) Phẩm Đối Chiếu - Twin Verses (Yamakavaggo).....	1
(2) Phẩm Không Phóng Dật - Heedfulness (Appamadavaggo) ...	6
(3) Phẩm Tâm - Mind (Citavaggo)	9
(4) Phẩm Hoa - Flowers (Puppavaggo)	12
(5) Phẩm Người Ngu - The Fools (Balavaggo)	16
(6) Phẩm Người Hiền Trí - The Wise (Panditavaggo)	20
(7) Phẩm A-la-hán - The Saints (Arahantavagga)	24
(8) Phẩm Ngàn - Thousands (Sahassavagga)	27
(9) Phẩm Ác – Evil (Papavagga)	31
(10) Phẩm Hình Phạt - Punishment (Dandavagga)	34
(11) Phẩm Tuổi Già - Old Age - (Jaravagga)	38
(12) Phẩm Tự Ngã - Self (Attavagga)	41
(13) Phẩm Thế Gian - World (Lokavagga)	44
(14) Phẩm Phật-đà - The Buddha (Buddhavagga)	47

(15) Phàm An lạc - Happiness (Sukhavagga)	51
(16) Phàm Hỷ Ái - Affection (Piyavagga)	55
(17) Phàm Phẫn Nộ - Anger (Kodhavagga)	59
(18) Phàm Cấu Uế - Impurities (Malavagga)	63
(19) Phàm Pháp Trụ - Established in Dhamma	68
(Dhammatthavagga)	
(20) Phàm Đạo - The Path (Maggavagga)	72
(21) Phàm Tạp Lục - Miscellaneous (Pakinnakavagga)	76
(22) Phàm Địa Ngục - Hells (Nirayavagga)	80
(23) Phàm Voi - The Greats (Nagavagga)	84
(24) Phàm Tham Ái - Craving (Tanhavagga)	88
(25) Phàm Tỷ Kheo- The Monks (Bhikkhuvagga)	94
(26) Phàm Bà-La-Môn - The Brahmana (Brahmanavagga)	99



I. Yamakavaggo

Twin Verses

1. *Mind precedes all knowables,
mind's their chief, mind-made are they.
If with a corrupted mind
one should either speak or act
dukkha follows caused by that,
as does the wheel the ox's hoof.*

2. *Mind precedes all knowables,
mind's their chief, mind-made are they.
If with a clear, and confident mind
one should speak and act
happiness follows caused by that,
as one's shadow ne'er departing.*

3. *Who bears within them enmity:
"He has abused and beaten me,
defeated me and plundered me",
hate is not allayed for them.*

4. *Who bears within no enmity:
"He has abused and beaten me,
defeated me and plundered me",
hate is quite allayed for them.*

5. *Never here by enmity
are those with enmity allayed,
they are allayed by amity,
this is the timeless Truth.*

Phẩm Đối Chiếu

1. Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý ô nhiễm,
Nói lên hay hành động,
Khổ não bước theo sau,
Như xe theo bò kéo.

2. Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý thanh tịnh,
Nói lên hay hành động,
An lạc bước theo sau,
Như bóng, không rời hình.

3. "Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi,"
Ai ôm hiềm hận ấy,
Hận thù không thể nguôi.

4. "Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi,"
Không ôm hiềm hận ấy,
Hận thù được tự nguôi.

5. Với hận diệt hận thù,
Đời này không có được.
Không hận diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu.

*6. Still others do not understand
that we must perish in this world,
those who understand this,
their quarrels are allayed.*

*7. One who beauty contemplates,
whose faculties are unrestrained,
in food no moderation knows,
is languid, who is indolent:
that one does Mara overthrow
as wind a tree of little strength.*

*8. One who foulness contemplates,
whose faculties are well-restrained,
in food does moderation know,
is full of faith, who's diligent:
that one no Mara overthrows,
as wind does not a rocky mount.*

*9. One who wears the stainless robe
who's yet not free from stain,
without restraint and truthfulness
for the stainless robe's unfit.*

*10. But one who is self-cleansed of stain,
in moral conduct firmly set,
having restraint and truthfulness
is fit for the stainless robe.*

*11. Conceiving the real in unreality
while seeing unreal the truly real,
roaming fields of thoughts ill-formed:
never they at the real arrive.*

6. Khi người khác không biết,
Ai rồi cũng hoại diệt
Điều này nếu hiểu được
Tranh luận sẽ dịu ngay.

7. Ai sống về ngoại sắc,
Không hộ trì các căn,
ăn uống thiếu tiết độ,
biếng nhác, chẳng tinh cần.
Ma uy hiếp kẻ ấy,
như cây yếu trước gió.

8. Ai sống quán bất tịnh,
Khéo hộ trì các căn,
ăn uống có tiết độ,
Có lòng tin, tinh cần,
Ma không uy hiếp được,
Như núi đá, trước gió.

9. Ai mặc áo cà sa
tâm chưa rời uế trước,
không tự chế, không thực,
không xứng áo cà sa

10. Ai rời bỏ uế trước,
giới luật khéo nghiêm trì,
tự chế, sống chơn thực,
thật xứng áo cà sa.

11. Không chân, tưởng chân thật,
chân thật, thấy không chân:
chúng không đạt chân thật,
do tà tư, tà hạnh.

12. *That which is real they know as real,
that unreal, to be unreal;
roaming fields of thought well-formed
they at the real arrive.*

12. Chân thật, biết chân thật,
Không chân, biết không chân:
chúng đạt được chân thật,
do chánh tư, chánh hạnh.

13. *Even as the rain does penetrate
a house that's badly thatched,
likewise lust does penetrate
the mind uncultivated.*

13. Như mái nhà vụng lợp,
Mưa liền xâm nhập vào.
Cũng vậy tâm không tu,
Tham dục liền xâm nhập.

14. *As rain does never penetrate
a house that is well-thatched,
so lust does never penetrate
the mind well cultivated.*

14. Như ngôi nhà khéo lợp,
Mưa không xâm nhập vào.
Cũng vậy tâm khéo tu,
Tham dục không xâm nhập.

15. *Here one grieves, one grieves hereafter,
in both ways does the evil-doer grieve;
one grieves and is afflicted,
one's own base kammās seeing.*

15. Nay sầu, đời sau sầu,
Kẻ ác, hai đời sầu;
Nó sầu, nó ưu não,
Thấy nghiệp uế mình làm.

16. *Here one joys, one joys hereafter,
in both ways does the merit-maker joy;
one joys and one rejoices,
one's own pure kammās seeing.*

16. Nay vui, đời sau vui,
Làm phước, hai đời vui,
Nó vui, nó an vui,
Thấy nghiệp tịnh mình làm.

17. *Here one burns, one burns hereafter,
in both ways does the evil-doer burn;
evil I've done, remorsefully one burns,
and more one burns passed to realms of
woe.*

17. Nay than, đời sau than,
Kẻ ác, hai đời than,
Nó than: 'Ta làm ác'
Đọa cõi dữ, than hơn.

18. *Here one's glad, one's glad hereafter,
in both ways is the merit-maker glad;
"Merit I've made", serenely one is glad,
and more one's glad passed to blissful states.*

19. *Though many sacred texts he chants
the heedless man's no practicer,
as cowherd counting other's kine
in samanaship he has no share.*

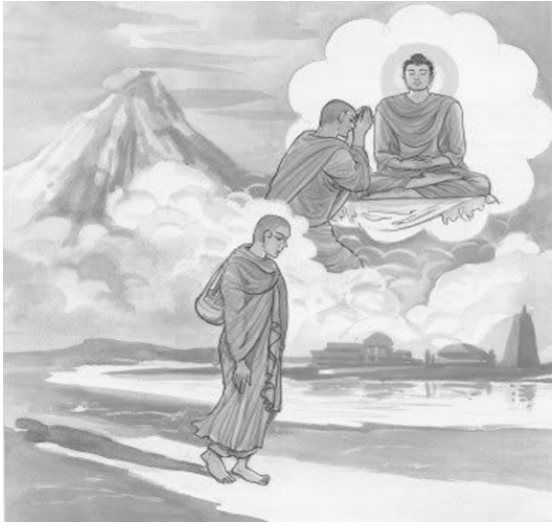
20. *Though few of the sacred texts he
chants
in Dhamma does his practice run,
clear of delusion, lust and hate,
wisdom perfected, with heart well-freed,
not clinging to this or other world,
in samanaship he has a share.*

18. Nay sướng, đời sau sướng,
Làm phước, hai đời sướng.
Nó sướng: 'Ta làm thiện',
Sanh cõi lành, sướng hơn.

19. Nếu người nói nhiều kinh,
Không hành trì, phóng dật;
Như chăn bò người khác,
Không phần Sa môn hạnh.

20. Dẫu nói ít kinh điển,
Nhưng hành pháp, tùy pháp,
Từ bỏ tham, sân, si,
Tỉnh giác, tâm giải thoát,
Không chấp thủ hai đời,
Dự phần Sa môn hạnh.





(2)

*Việc làm của bản thân ta
Do tâm, do ý tạo ra, dẫn đầu
Nói năng, hành động trước sau
Ý mà thanh tịnh: đạt dào niềm vui
Và bao hạnh phúc trên đời
Theo ta như bóng khắp nơi theo hình.*

(5)

*Khắp nơi trong cõi dương gian
Hận thù đâu thể xua tan hận thù
Chỉ tình thương với tâm từ
Làm tiêu oán hận, giải trừ hờn căm
Đó là định luật ngàn năm.*



(8) *Nhận ra ô uế thân người
Giác quan kiềm chế, sống đời tịnh yên
Uống ăn điều độ giữ gìn
Lại thêm bền vững đức tin, chuyên cần
Người đâu dễ bị cuốn gân
Ma vương dục vọng ngàn lần thua ta
Khác gì cơn gió thổi qua
Núi cao, vách đá khó mà lung lay.*

II. Appamadavaggo

Heedfulness

21. *Heedfulness is the Deathless path,
heedlessness, the path to death.
Those who are heedful do not die,
heedless are like the dead.*

22. *The wise then, recognizing this
as the distinction of heedfulness,
pleased with the spheres of Nobles Ones,
in heedfulness rejoice.*

23. *They meditate persistently,
constantly they firmly strive,
the steadfast to Nibbana reach,
the Unexcelled Secure from bonds.*

24. *Assiduous and mindful,
pure kamma making, considerate,
restrained, by Dhamma living,
and in heedfulness,
for one such spreads reknown.*

25. *By energy and heedfulness,
by taming and by self-control,
the one who's wise should make as isle
no flood can overwhelm.*

26. *Foolish folk of little wit
in heedlessness indulge,
the one who's wise guards heedfulness
kin to the greatest wealth.*

Phẩm Không Phóng Dật

21. Không phóng dật, đường sống,
Phóng dật là đường chết.
Không phóng dật, không chết,
Phóng dật như chết rồi.

22. Biết rõ sai biệt ấy,
Người trí không phóng dật,
Hoan hỷ, không phóng dật,
An vui hạnh bậc Thánh.

23. Người hăng tu thiền định,
Thường kiên trì tinh tấn.
Bậc trí hưởng Niết Bàn,
Đạt an tịnh vô thượng.

24. Nỗ lực, giữ chánh niệm,
Tịnh hạnh, hành thận trọng
Tự điều, sống theo pháp,
Ai sống không phóng dật,
Tiếng lành càng tăng trưởng

25. Nỗ lực, không phóng dật,
Tự điều, khéo chế ngự.
Bậc trí xây hòn đảo,
Nước lụt khó ngập tràn.

26. Chúng ngu si, thiếu trí,
Chuyên sống đời phóng dật.
Người trí, không phóng dật,
Như giữ tài sản quý.

27. *Don't indulge in heedlessness!
Don't come near to sexual joys!
The heedful and contemplative
attains abundant bliss.*

27. Chớ sống đời phóng dật,
Chớ mê say dục lạc.
Không phóng dật, thiền định,
Đạt được an lạc lớn.

28. *When one who's wise does drive away
heedlessness by heedfulness,
having ascended wisdom's tower
steadfast, one surveys the fools,
griefless, views the grieving folk,
as mountaineer does those below.*

28. Người trí dẹp phóng dật,
Với hạnh không phóng dật,
Leo lầu cao trí tuệ,
Không sầu, nhìn khổ sầu,
Bậc trí đứng núi cao,
Nhìn kẻ ngu, đất bằng.

29. *Among the heedless, heedful,
among the sleepy, wide awake.
As the swift horse outruns a hack
so one of good wisdom wins.*

29. Tỉnh cần giữa phóng dật,
Tỉnh thức giữa quần mê.
Người trí như ngựa phi,
Bỏ sau con ngựa yếu.

30. *Heedfulness is always praised,
heedlessness is ever blamed.
By heedfulness did Magha go
to lordship of the gods.*

30. Để Thích * không phóng dật,
Đạt ngôi vị Thiên chủ.
Không phóng dật, được khen ;
Phóng dật, thường bị trách.

* *Để Thích: Magha (Manavaka),
vị lãnh đạo chư thiên*

31. *The bhikkhu liking heedfulness,
seeing fear in heedlessness,
advances as a conflagration
burning fetters great and small.*

31. Vui thích không phóng dật,
Tỷ kheo sợ phóng dật,
Bước tới như lửa hừng,
Thiêu kết sử lớn nhỏ.

32. *The bhikkhu liking heedfulness,
seeing fear in heedlessness,
never will he fall away,
near is he to Nibbana.*

32. Vui thích không phóng dật,
Tỷ kheo sợ phóng dật,
Không thể bị thối đọa,
Nhất định gần Niết Bàn.





(23)

*Nhờ tu thiền định thâm sâu
Tháng năm kiên nhẫn, trước sau chuyên cần
Người hiền trí được bình an
Thân tâm giải thoát, Niết Bàn hưởng vui*

(27)

*Chớ nên chìm đắm xuôi theo
Buông lung, phóng dật là điều chẳng hay,
Chớ nên dục lạc mê say
Hãy nên tỉnh giác tâm này cho mau
Tu thiền định thật chuyên sâu
Mới mong phước báu, mới cầu bình an.*



(29)

*Giữ cho tinh tấn trong lòng
Giữa bao nhiêu kẻ buông lung tràn trề
Giữ cho tỉnh táo mọi bề
Giữa bao nhiêu kẻ ngủ mê li bì
Kìa trông kẻ trí khác gì
Như con tuấn mã phóng đi hào hùng
Phía sau bỏ lại trên đường
Ngựa gầy hèn yếu não nùng lết theo.*



III. Citavaggo

Mind

Phẩm Tâm

33. *Mind agitated, wavering,
hard to guard and hard to check,
one of wisdom renders straight
as arrow-maker a shaft.*

33. Tâm hoảng hốt dao động,
Khó hộ trì, khó nhiếp,
Người trí làm tâm thẳng,
Như thợ tên, làm tên.

34. *As fish from watery home
is drawn and cast upon the land,
even so flounders this mind
while Mara's Realm abandoning.*

34. Như cá quăng lên bờ,
Vất ra ngoài thủy giới;
Tâm này vùng vẫy mạnh,
Hãy đoạn thế lực Ma.

35. *The mind is very hard to check
and swift, it falls on what it wants.
The training of the mind is good,
a mind so tamed brings happiness.*

35. Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến.

36. *The mind is very hard to see
and find, it falls on what it wants.
One who's wise should guard the mind,
a guarded mind brings happiness.*

36. Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng.
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến.

37. *Drifting far, straying all alone,
formless, recumbent in a cave.
They will be free from Mara's bonds
who do restrain this mind.*

37. Chạy xa, sống một mình,
Không thân, ẩn hang sâu*
Ai điều phục được tâm,
Thoát khỏi Ma trói buộc.**

* Trú xứ của Thức

** Dục giới, sắc giới, vô sắc giới

38. *One of unsteady mind,
who doesn't know True Dhamma,
who is of wavering confidence
wisdom fails to win.*

39. *One of unflooded mind,
a mind that is not battered,
abandoning evil, merit too,
no fear for One Awake.*

40. *Having known this urn-like body,
made firm this mind as fortress town,
with wisdom-weapon one fights Mara
while guarding booty, unattached.*

41. *Not long alas, and it will lie
this body, here upon the earth.
Discarded, void of consciousness,
useless as a rotten log.*

42. *Whatever foe may do to foe,
or haters those they hate
the ill-directed mind indeed
can do one greater harm.*

43. *What one's mother, what one's
father,
whatever other kin may do,
the well directed mind indeed
can do greater good.*

38. Ai tâm không an trú,
Không biết chân diệu pháp,
Tịnh tín bị rúng động,
Trí tuệ không viên thành.

39. Tâm không đầy tràn dục,
Tâm không (hận) công phá,
Đoạn tuyệt mọi thiện ác,
Kẻ tỉnh không sợ hãi.

40. Biết thân như đồ gốm,
Trú tâm như thành trì,
Chống Ma với gươm trí;
Giữ chiến thắng* không tham**

** Tức là quán (vipassana) mới
chứng được.*

*** Đối với các thiền mới chứng*

41. Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vất bỏ, vô thức,
Như khúc cây vô dụng.

42. Kẻ thù hại kẻ thù,
Oan gia hại oan gia,
Không bằng tâm hướng tà,*
Gây ác cho tự thân.

** Hướng về 10 pháp bất thiện như
sát sanh v.v...*

43. Điều cha, mẹ, bà con,
Làm bất cứ việc gì
Tâm hướng chánh dẫn dắt,
Sẽ làm tốt đẹp hơn.



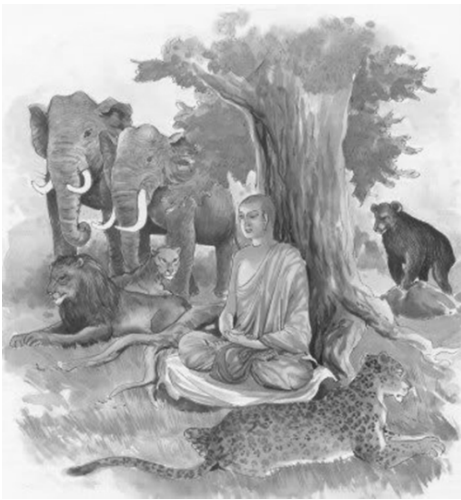


(34)

*Tựa như cá ở hồ ao
Bị đưa khỏi nước quăng vào bờ kia
Vẫy vùng, sợ sệt kể chi,
Tâm người nên vậy khác gì cá đâu
Phải vùng vẫy, phải lo âu
Cố mà phấn đấu thoát mau tâm mình
Khỏi tay Ma giới dục tình.*

(36)

*Tâm phàm phu cứ xoay vần
Chạy theo dục vọng muôn phần đảo chao
Tinh vi, khó thấy được nào
Chỉ riêng người trí lo âu thật tình
Canh phòng nghiêm ngặt tâm mình
Cho nên hạnh phúc, an bình mãi thôi.*



(39)

*Người nào thanh tịnh trong tâm
Không còn tham ái và sân hận gì
Vượt lên thiện, ác đôi bề
Là người giác ngộ chẳng hề sợ chi.*

IV. Puppavaggo

Flowers

44. *Who will comprehend this earth,
the world of Yama, and the gods?
Who will discern the well-taught Dhamma
as one who's skilled selects a flower?*

45. *One Trained will comprehend this earth,
the world of Yama, and the gods,
One Trained discerns the well-taught
Dhamma
as one who's skilled selects a flower.*

46. *Having known this froth-like body
and awakening to its mirage nature,
smashing Mara's flowered shafts
unseen beyond the Death-king go.*

47. *For one who has a clinging mind
and gathers only pleasure-flowers,
Death does seize and carry away
as great flood a sleeping village.*

48. *For one of desires insatiate
who gathers only pleasure-flowers,
for one who has a clinging mind
Death the sovereign overpowers.*

49. *Just as a bee in a flower
harming neither hue nor scent
gathers nectar, flies away,
so in towns a Wise One fares.*

KINH PHÁP CÚ

Phẩm Hoa

44. Ai chinh phục đất này
Dạ ma, Thiên giới này?
Ai khéo giảng Pháp cú,
Như người* khéo hái hoa?

** Thơ làm vòng hoa*

45. Hữu học chinh phục đất,
Dạ ma, Thiên giới này.
Hữu học giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa.

46. Biết thân như bọt nước,
Ngộ thân là như huyễn,
Bỏ tên hoa của Ma,
Vượt tầm mắt Thần chết

47. Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say, tham nhiễm,
Bị Thần chết mang đi,
Như lụt trôi làng ngủ.

48. Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say, tham nhiễm,
Các dục chưa thỏa mãn,
Bị thần chết chinh phục.

49. Như ong đến với hoa,
Không hại sắc và hương,
Che chở hoa, lấy nhụy.
Bậc Thánh đi vào làng

Chùa Phổ Giác
Enlightenment Buddhist Center
Novato, California-USA

50. *Not others' opposition
nor what they did or failed to do,
but in oneself should be sought
things done, things left undone.*

50. Không nên nhìn lỗi người,
Người làm hay không làm.
Nên nhìn tự chính mình,
Có làm hay không làm.

51. *Just as a gorgeous blossom
brilliant but unscented,
so fruitless the well-spoken words
of one who does not act.*

51. Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc nhưng không hương.
Cũng vậy, lời khéo nói,
Không làm, không kết quả.

52. *Just as a gorgeous blossom,
brilliant and sweet-scented,
so fruitful the well-spoken words
of one who acts as well.*

52. Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc lại thêm hương;
Cũng vậy, lời khéo nói,
Có làm, có kết quả.

53. *As from a mass of flowers
many a garland may be made,
so by one born mortal
should many good deeds be done.*

53. Như từ một đống hoa,
Nhiều tràng hoa được kết.
Cũng vậy, thân sanh tử,
Làm được nhiều thiện sự.

54. *The fragrance of flowers drifts with
the wind
as sandalwood, jasmine of lavender.
The fragrance of the virtuous sweeps the
wind,
all pervasive is virtue of the good.*

54. Hương các loại hoa thơm *
Không ngược bay chiều gió
Nhưng hương người đức hạnh
Ngược gió khắp tung bay
Chỉ có bậc chân nhân
Tỏa khắp mọi phương trời.

* Các loại hoa thơm: hương già la,
chiên đàn, v.v.

55. *Sandalwood or lavender,
lotus or the jasmine great,
of these many fragrances
virtue's fragrance is supreme.*

55. Hoa chiên đàn, già la,
Hoa sen, hoa vĩ quý.
Giữa những hương hoa ấy,
Giới hương là vô thượng.

56. *Faint is this fragrance
of lavender and sandalwood,
but fragrance of the virtuous
soars sublime amongst the gods.*

56. Ít giá trị hương này,
Hương già la, chiêm đàn;
Chỉ hương người đức hạnh,
Tối thượng tỏa Thiên giới.

57. *Of those with perfect virtue
who dwell in heedfulness,
freed by Final Knowledge:
Mara cannot know their path.*

57. Những ai có giới hạnh,
An trú không phóng dật.
Chánh trí, chơn giải thoát,
Ác ma không thấy đường.

58. *As beside the highroad
where rubbish in a pit is flung
there flourishes the lotus bloom
fragrant and the mind's delight.*

58. Như giữa đống rác nhớp,
Quăng bỏ trên đường lớn,
Chỗ ấy hoa sen nở,
Thơm sạch, đẹp ý người.

59. *So among rubbish-beings,
common humans blind-become,
the Perfect Buddha's pupil
outshines with wisdom bright.*

59. Cũng vậy giữa quần sanh,
Uế nhiễm, mù, phạm tục,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Sáng ngời với Tuệ Tri.





(46)

*Chúng sinh nên biết thân này
Như là ảo ảnh rồi đây chóng tàn
Như là bọt nước mau tan
Nên hoa dục vọng chớ màng làm chi
Mùi tên cám dỗ bỏ đi
Đẹp Ma dục vọng còn gì hại thân,
Vượt qua tầm mắt tử thần.*

(58) - (59)

*Như từ trong đồng bùn nhơ,
Bên đường nước đọng, ai ngờ nở ra:
Hoa sen phô sắc mặn mà,
Tỏa hương thanh khiết gần xa đẹp lòng,
Khác chi giữa chốn bụi hồng,
Giữa phường mê muội ngập trong não phiền,
Nảy sinh Phật tử trung kiên,
Rạng soi trí tuệ khắp miền nhân gian.*



V. Balavaggo

The Fools

60. *Long is the night for the sleepless,
long is the league for the weary one,
samsara's way is long for fools
who know not the Dhamma True.*

61. *If a wayfarer fails to find
one better or equal,
steadfast he should fare alone
for a fool's no fellowship.*

62. *"Sons have I, wealth have I",
thus the fool is fretful.
He himself is not his own,
how then are sons, how wealth?*

63. *Conceiving so his foolishness
the fool is thereby wise,
while "fool" is called that fool
conceited that he's wise.*

64. *Though all through life the fool
might wait upon the wise,
no more Dhamma can he sense
than spoon the taste of soup.*

65. *Though briefly one intelligent
might wait upon the wise,
quickly Dhamma he can sense
as tongue the taste of soup.*

Phẩm Người Ngu

60. Đêm dài cho kẻ thức,
Đường dài cho kẻ mệt,
Luân hồi dài, kẻ ngu,
Không biết chơn diệu pháp.

61. Tìm không được bạn đường,
Hơn mình hay bằng mình,
Thà quyết sống một mình,
Không làm bạn kẻ ngu.

62. "Con tôi, tài sản tôi",
Người ngu sanh ưu não,
Tự ta, ta không có,
Lo gì của và con?

63. Người ngu nghĩ mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí.
Người ngu tưởng có trí,
Thật xứng gọi chí ngu.

64. Người ngu dầu trọn đời,
Thân cận người có trí,
Vẫn không biết Chánh Pháp,
Như muống không thấm canh.

65. Người trí, dù một khắc,
Thân cận người có trí,
Biết ngay chơn diệu pháp,
Như lưỡi biết vị canh.

66. *Fools of feeble wisdom fare
enemies to themselves,
making evil kamma
which is of bitter fruit.*

67. *That kamma's not well-made
from which there is remorse,
of which one senses the result
with weeping and a tear-stained face.*

68. *But well-made is that kamma
which done brings no remorse,
of which one senses the result
with glad mind and with joy.*

69. *When evil kamma's immature
the fool thinks it is honeyed,
but when the evil has matured
then to the fool comes dukkha.*

70. *Month after month with bladey-
grass tip
the fool may take his food;
he's not worth the slightest bit
of one who Dhamma knows.*

71. *As milk, is evil kamma done,
so slowly does it sour.
Smouldering does it follow the fool
like fire with ashes covered.*

66. Người ngu si thiếu trí,
Tự ngã thành kẻ thù.
Làm các nghiệp không thiện,
Phải chịu quả đắng cay.

67. Nghiệp làm không chánh thiện,
Làm rồi sanh ăn năn,
Mặt nhuốm lệ, khóc than,
Lãnh chịu quả dị thực.

68. Và nghiệp làm chánh thiện,
Làm rồi không ăn năn,
Hoan hỷ, ý đẹp lòng,
Hưởng thọ quả dị thực.

69. Người ngu nghĩ là ngọt,
Khi ác chưa chín muối;
Ác nghiệp chín muối rồi,
Người ngu chịu khổ đau.

70. Tháng ngày qua ngọn cỏ,
Người ngu dù ăn uống *
Không bằng phần mười sáu,
Người hiểu pháp hữu vi.

** Hành trì khổ hạnh của người
ngoại đạo không bằng 1/16
người hiểu pháp hữu vi.*

71. Nghiệp ác đã làm rồi,
Như sữa không chua ngay,
Lòng kẻ ngu âm ỉ,
Như lửa ngầm dưới tro.

72. Truly to his detriment
skill is born to the fool;
ruined is his better nature
and scattered are his wits.

72. Kẻ ngu làm điều ác,
Ác ý ngấm vào xương,
Nghịệp lành tan tác cả,
Chớ nghĩ mình tinh tường.

73. For position a fool may wish:
among the bhikkhus precedence,
in monasteries authority,
from other families honours.

73. Ưa danh không tương xứng,
Muốn ngồi trước tử kheo,
Tham quyền nơi tịnh xá,
Muốn mọi người kính-theo.

74. Both monks and laymen, let them
think
"This was done by me,
whatever the works, both great and small,
let them depend on me".
Such the intention of a fool,
swollen his greed and conceit.

74. "Mong cả hai tăng, tục,
Nghĩ rằng (chính ta làm).
Trong mọi việc lớn nhỏ,
Phải theo mệnh lệnh ta"
Người ngu nghĩ như vậy
Dục và mạn tăng trưởng.

75. One is the way to worldly gain,
another to Nibbana goes.
Clearly comprehending this
the bhikkhu, Buddha's follower
should wallow not in proffered gifts,
surrendering instead to solitude.

75. Khác thay duyên thế lợi,
Khác thay đường Niết Bàn.
Tỷ kheo, đệ tử Phật,
Hãy như vậy thắng tri.
Chớ ưa thích cung kính,
Hãy tu hạnh viễn ly.





(60)

*Người mắt ngủ thấy đêm dài
Bộ hành mỗi mệt than hoài đường xa
Luân hồi cũng vậy thôi mà
Chập chùng tiếp nối thật là tái tê
Vớ người ngu dại, u mê
Biết gì chánh pháp, hiểu chi đạo mầu.*

(62)

*“Đây là con cái của tôi,
Đây là của cải mấy đời chắt chiu!”
Người ngu chỉ nghĩ bấy nhiêu
Nào hay biết được một điều thâm sâu:
Chính thân ta cũng có đâu,
Mà đòi con nọ, mà cầu của kia!*



(75)

*Một đường danh lợi thế gian
Một đường đưa tới Niết Bàn cao xa
Tỳ Kheo đệ tử Phật Đà
Nhủ lòng cho rõ để mà bước chân,
Đừng nên tham đắm lợi trần,
Đạo mầu giải thoát chuyên tâm trau dồi!*



VI. Panditavaggo

The Wise

Phẩm Người Hiền Trí

76. *Should one a man of wisdom meet
who points out faults and gives reproof,
who lays a hidden treasure bare,
with such a sage should one consort.
Consorting so is one enriched
and never in decline.*

76. Nếu thấy bậc hiền trí,
Chỉ lỗi và khiển trách,
Như chỉ chỗ chôn vàng,
Hãy thân cận người trí!
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.

77. *Let him exhort, let him instruct,
and check one from abasement.
Dear indeed is he to the true,
not dear is he to the false.*

77. Những người hay khuyên dạy,
Ngăn người khác làm ác,
Được người hiền kính yêu,
Bị người ác không thích.

78. *Don't go around with evil friends,
with rogues do not resort.
Spend your time with noble friends,
and worthy ones consort.*

78. Chớ thân với bạn ác,
Chớ thân kẻ tiểu nhân.
Hãy thân người bạn lành,
Hãy thân bậc thượng nhân.

79. *Happy is he who Dhamma drinks
with heart that's clear and cool.
One so wise e'er delights
in Dhamma declared by the Noble.*

79. Pháp hỷ đem an lạc,
Với tâm tư thuần tịnh;
Người trí thường hoan hỷ,
Với pháp bậc Thánh thuyết.

80. *Irrigators govern waters,
fletchers fashion shafts,
as joiners shape their timber
those who are wise tame themselves.*

80. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nhiếp tự thân.

81. *Just as a mighty boulder
stirs not with the wind,
so the wise are never moved
either by praise or blame.*

81. Như đá tảng kiên cố,
Không gió nào lay động,
Cũng vậy, giữa khen chê,
Người trí không dao động.

82. *Even as a fathomless lake,
a lake so calm and clear,
so dhammas having heard
serene the wise become.*

82. Như hồ nước sâu thẳm,
Trong sáng, không khuấy đục,
Cũng vậy, nghe chánh pháp,
Người trí hưởng tịnh lạc.

83. *Everything the good renounce,
the peaceful chatter not of fond
delights,
and whether touched by pleasure or
pain
nor joy or woe in the wise is seen.*

83. Người hiền bỏ tất cả,*
Người lành không bàn dục,
Dầu cảm thọ lạc khổ,
Bậc trí không vui buồn.
* Bỏ các dục

84. *Neither for one's own, nor for
another's sake
one should wish for children, wealth
and estate,
nor success desire by means unjust,
thus virtuous, and wise, righteous
one would be.*

84. Không vì mình, vì người.
Không cầu được con cái,
Không tài sản, đất đai,
Không cầu mình thành tựu,
Bằng việc làm phi pháp.
Vị ấy thật trì giới,
Có trí tuệ, đúng pháp.

85. *Among folk they are few
who go to the Further Shore,
most among humanity
scurry on this hither shore.*

85. Ít người giữa nhân loại,
Đến được bờ bên kia.
Còn số người còn lại,
Xuôi ngược chạy bờ này.

*86. But they who practise Dhamma
according to Dhamma well-told,
from Death's Domain hard to leave
they'll cross to the Further Shore.*

86. Những ai hành trì pháp,
Theo chánh pháp khéo dạy,
Sẽ đến bờ bên kia,
Vượt ma lực khó thoát.

*87. Abandoning the Dhammas dark
the wise should cultivate the bright,
having from home to homeless gone
in solitude unsettling.*

87. Từ bỏ pháp tối tăm,
Kẻ trí theo pháp sáng,
Xuất gia sống không nhà,
Sống viễn ly, an lạc

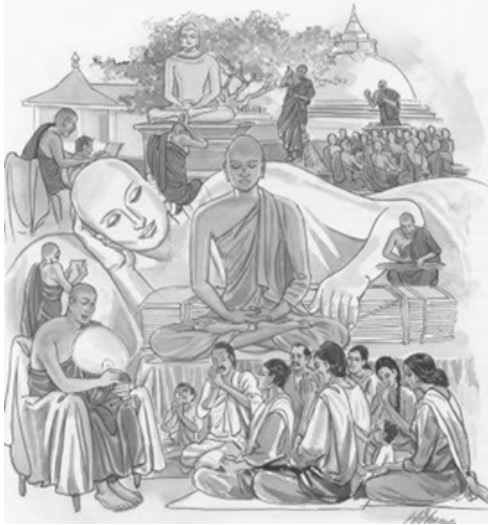
*88. Let them desire that rare delight
renouncing pleasures, owing
nought,
those wise ones should cleanse
themselves
from all defilements of the mind.*

88. Hãy cầu vui Niết Bàn,
Bỏ dục, không sở hữu,
Kẻ trí tự gột sạch,
Cầu uế từ nội tâm.

*89. Those who come to Wakening
with mind full-cultivated,
delight, no longer clinging,
in relinquishing attachment:
they, without pollution, radiant,
in this world have reached Nibbana.*

89. Những ai với chánh tâm,
Khéo tu tập giác chi,
Từ bỏ mọi ái nhiễm,
Hoan hỷ không chấp thủ.
Không lậu hoặc, sáng chói,
Sống tịch tịnh ở đời.





(79)

*Một khi chánh pháp thấm nhuần,
Tươi vui cuộc sống, bình an tâm hồn
Cho nên người trí, người khôn
Hân hoan nghe Pháp thánh nhân giảng truyền.*

(81)

*Gió nào lay núi đá cao,
Và người trí lớn khác nào núi kia
Tiếng đời tràn tục khen chê
Tán dương, phỉ báng, dễ gì động tâm.*



(89)

*Người nào tu tập chuyên cần
Nương theo chánh pháp chuyên tâm một
đường,
Xa lìa cố chấp thói thường
Sợi dây luyến ái chẳng vương bận lòng
Não phiền đã diệt hết xong
Trở nên sáng suốt. Ngay trong đời này
Niết Bàn chứng ngộ được ngay.*



VII. Arahantavagga

The saints

Phẩm A La Hán

90. *With journey finished and
sorrowless,
from everything completely free,
for one who has loosened all the ties
passion's fever is not found.*

90. Đích đã đến, không sầu,
Giải thoát ngoài tất cả,
Đoạn trừ mọi buộc ràng,
Vị ấy không nhiệt nã.

91. *Mindful Ones exert themselves,
in no abode do they delight,
as swans abandoning their lake
home after home they leave behind.*

91. Người sách tấn chánh niệm,
Không lưu luyến nơi nào,
Như ngỗng trời rời ao,
Lìa sau mọi nơi trú.

92. *For those who don't accumulate,
who well reflect upon their food,
they have as range the nameless
and
the void of perfect freedom too.
As birds that wing through space,
hard to trace their going.*

92. Ai từ bỏ tích lũy,
Quán tưởng khi uống ăn,
Không - vô tướng - giải thoát,
Theo hướng đó tu hành,
Như giữa trời chim lượn,
Tìm đâu ra mối manh!

93. *For whom pollutions are
destroyed,
not attached to any food,
he has as range the nameless and
the void of perfect freedom too.
As birds that wing through space,
hard to trace his going.*

93. Ai dứt trừ lậu hoặc,
Ăn uống chẳng tham tranh,
Không - vô tướng - giải thoát,
Theo hướng đó tu hành,
Như giữa trời chim lượn,
Tìm đâu ra mối manh!

94. *Whose faculties are pacified
as steeds by charioteers well-tamed,
with pride abandoned, unpolluted,
to even devas this One's dear.*

94. Ai nhiếp phục các căn,
Như đánh xe điều ngự,
Mạn trừ, lậu hoặc dứt,
Người vậy, Chư Thiên mến.

95. *Like earth is one who's well-behaved,
secure and not resentful,
as city-post, as filth-free lake,
no wanderings-on for One Who's
Thus.*

96. *Peaceful his mind and peaceful
his speech and actions too,
perfect in knowledge of freedom,
One Thus is of utmost peace.*

97. *With no beliefs, the Unmade
known,
with fetters finally severed,
with kammās cut and craving shed,
attained to humanity's heights.*

98. *Whether in town or woods,
whether in vale, on hill,
wherever dwell the Arahants
so pleasing there the earth.*

99. *Delightful are the forests
where folk do not delight,
there the Passionless delight,
they're not pleasure-seekers.*

95. Như đất không hiềm hận,
Như cột trụ kiên trì,
Như hồ, không bùn nhơ,
Không luân hồi, vị ấy.

96. Người tâm ý an tịnh,
Lời an, nghiệp cũng an,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Tịnh lạc là vị này.

97. Không tin*, hiểu Vô vi.
Người cắt mọi hệ lụy,
Cơ hội tận, xả ly
Vị ấy thật tối thượng.

* Vị A La Hán tự chứng biết, không
tin ai làm cho giác ngộ.

98. Làng mạc hay rừng núi
Thung lũng hay đồi cao,
La Hán trú chỗ nào,
Đất ấy thật khả ái.

99. Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phàm không ưa,
Vị ly tham ưa thích,
Vì không tìm dục lạc.





(91)

*Những người cố gắng tu thân
Luôn luôn hăng hái, tinh thần thật cao
Đâu còn lưu luyến là bao
Nơi ăn chốn ở thuở nào tại gia
Ví như những cánh thiên nga
Rời ao hồ cũ bay xa tít mù
Đâu còn nhớ tiếc nơi xưa.*

(93)

*Nhiễm ô, ham muốn diệt ngay
Uống ăn chùng mực qua ngày để tu
Thoát vòng đau khổ, ưu tư
Thành thoi theo cánh gió đưa Niết Bàn
Như chim bay giữa không gian
Tìm chim, dấu vết vô vàn khó thay.*



(96)

*Ai mà thanh thân trong tâm
Lại thêm ngôn ngữ thâm trầm nơi nơi
Thêm hành động thật khoan thai:
Là người hiểu biết đúng sai mọi đường
Đã mau siêu thoát nhẹ nhàng
Luôn luôn tịnh lạc, hoàn toàn bình yên.*



VIII- Sahassavagga

Thousands

Phẩm Ngàn

*100. Though a thousand speeches be
composed of meaningless lines,
better the single meaningful line
one hears, then comes to calm.*

100. Dầu nói ngàn ngàn lời,
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu nghĩa,
Nghe xong, được tịnh lạc.

*101. Though a thousand verses be
composed of meaningless lines,
better the single line of verse
one hears, then comes to calm.*

101. Dầu nói ngàn câu kệ
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn nói một câu,
Nghe xong, được tịnh lạc.

*102. Though a hundred verses chant
composed of meaningless lines,
better the single Dhamma line
one hears, then comes to calm.*

102. Dầu nói trăm câu kệ
Nhưng không gì lợi ích
Tốt hơn nói câu Pháp,
Nghe xong, được tịnh lạc.

*103. Though thousand times a
thousand men
in battle one may conquer,
yet should one conquer just oneself
one is the greatest conqueror.*

103. Dầu tại bãi chiến trường
Thắng ngàn ngàn quân địch,
Tự thắng mình tốt hơn,
Thật chiến thắng tối thượng.

*104. Greater the conquest of oneself
than subjugating others,
that one who's always well-restrained,
that one who's tamed of self.*

104. Tự thắng, tốt đẹp hơn,
Hơn chiến thắng người khác.
Người khéo điều phục mình,
Thường sống tự chế ngự.

*105. Neither deva nor minstrel divine,
nor Mara together with Brahma,
can overthrow the victory
of such a one as this.*

105. Dầu Thiên Thần, Thát Bà,
Dầu Ma Vương, Phạm Thiên
Không ai chiến thắng nổi,
Người tự thắng như vậy.

*106. Month by month for a hundred years
a thousand one might sacrifice,
but if for only a moment one
might honour the self-developed,
such honour then were better by far
than a century of sacrifice.*

106. Tháng tháng bỏ ngàn vàng,
Tế tự cả trăm năm,
Chẳng bằng trong giây lát,
Kính lễ bậc tự tu.
Kính lễ vậy tốt hơn,
Hàng trăm năm tế tự.

*107. One might tend for a hundred years
the forest's sacred fire,
but if for only a moment one
might honour the self-developed,
such honour then were better by far
than a century of sacrifice.*

107. Dầu trải một trăm năm,
Thờ lửa tại rừng sâu,
Chẳng bằng trong giây lát,
Kính lễ bậc tự tu.
Kính lễ vậy tốt hơn,
Cả trăm năm tế tự.

*108. Whatever one who merit seeks
should for a year make sacrifice,
all comes not to a quarter part
of honouring the Noble.*

108. Suốt năm cúng tế vật,
Để cầu phước ở đời.
Không bằng một phần tư
Kính lễ bậc chánh trực.

*109. For one of respectful nature
who ever the elders honours,
long life and beauty, joy and strength,
these qualities increase.*

109. Thường tôn trọng, kính lễ
Bậc kỳ lão trưởng thượng,
Bốn pháp được tăng trưởng :
Thọ, sắc, lạc, sức mạnh.

*110. Though one should live a hundred
years
foolish, uncontrolled,
yet better is life for a single day
moral and meditative.*

110. Dầu sống một trăm năm,
Ác giới, không thiền định,
Tốt hơn nên một ngày,
Trì giới, tu thiền định.

111. *Though one should live a hundred years
foolish, uncontrolled,
yet better is life for a single day
wise and meditative.*

111. Ai sống một trăm năm,
Ác tuệ, không thiền định.
Tốt hơn nên một ngày,
Có tuệ, tu thiền định.

112. *Though one should live a hundred years
lazy, of little effort,
yet better is life for a single day
strongly making effort.*

112. Ai sống một trăm năm,
Lười nhác không tinh tấn,
Tốt hơn sống một ngày
Tinh tấn tận sức mình.

113. *Though one should live a hundred years
not seeing rise and fall,
yet better is life for a single day
seeing rise and fall.*

113. Ai sống một trăm năm,
Không thấy pháp sinh diệt,
Tốt hơn nên một ngày,
Thấy được pháp sinh diệt.

114. *Though one should live a hundred years
not seeing the Deathless State,
yet better is life for a single day
seeing Deathlessness.*

114. Ai sống một trăm năm,
Không thấy câu bất tử,
Tốt hơn nên một ngày,
Thấy được câu bất tử.

115. *Though one should live a hundred years
not seeing Dhamma Supreme,
yet better is life for a single day
seeing Dhamma Supreme.*

115. Ai sống một trăm năm,
Không thấy Pháp Tối thượng,
Tốt hơn nên một ngày,
Thấy được Pháp Tối thượng.





(100)

*Dù ngàn lời nói với nhau
Nếu đều vô nghĩa, ích đâu cho đời
Chẳng bằng chỉ nói một lời
Một lời nghĩa lý, mọi người mừng thay
Nghe xong tâm tịnh lạc ngay.*

(102)

*Kệ kia tụng đến ngàn câu
Nếu đều vô nghĩa, ích đâu cho đời
Chẳng bằng Pháp Cú tuyệt vời
Một lời giáo pháp mọi người mừng thay
Nghe xong tâm tịnh lạc ngay.*



(113)

*Trăm năm sống chẳng nhận ra
Pháp kia sinh diệt. Thật là uổng thay!
Chẳng bằng sống chỉ một ngày
Mà hay vạn vật chốn này giả thôi
Vô thường, tạm bợ, nổi trôi
Sinh ra rồi diệt, diệt rồi lại sinh*



IX- Papavagga

Evil

*116. Make haste towards the good
and check the mind from evil.
The one who's is slow in making merit
delights in the mind in evil.*

*117. If one should some evil do
then do it not again and again.
Do not wish for it anew
for evil grows to dukkha.*

*118. If one should some merit make
do it again and again.
One should wish for it anew
for merit grows to joy.*

*119. As long as evil ripens not
even the evil one goodness knows,
but when the evil ripens
then that person evil knows.*

*120. As long as goodness ripens not
even the good one evil knows,
but when the goodness ripens
then that person knows the good.*

*121. Think lightly not of evil,
"It will not come to me",
for by the falling of water drops
a water jar is filled.*

Phẩm Ác

116. Hãy gấp làm điều lành,
Ngăn tâm làm điều ác.
Ai chậm làm việc lành,
Ý ưa thích việc ác.

117. Nếu người làm điều ác,
Chớ tiếp tục làm thêm.
Chớ ước muốn điều ác,
Chứa ác, tất chịu khổ.

118. Nếu người làm điều thiện,
Nên tiếp tục làm thêm.
Hãy ước muốn điều thiện,
Chứa thiện, được an lạc.

119. Khi ác chưa chín muồi,
Kẻ làm ác gặp may,
Tới khi quả ác chín,
Kẻ ác gặp ác ngay.

120. Người thiện vướng phải họa,
Khi thiện chưa chín muồi.
Lúc thiện nghiệp chín rồi,
Phúc phần rồi sẽ tới.

121. Chớ chê khinh điều ác,
Cho rằng "chưa đến mình",
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.

*The fool with evil fills himself,
he soaks up little by little.*

*122. Think lightly not of goodness,
"It will not come to me",
for by the falling of water drops
a water jar is filled.*

*The sage with goodness fills himself,
he soaks up little by little.*

*123. As merchant on a perilous path,
great wealth having little guard,
as life-loving man with poison
so with evil heedful be.*

*124. If in the hand's no wound
poison one may bear.
A woundless one is poisoned not,
non-doers have no evil.*

*125. Who offends the inoffensive,
the innocent and blameless one,
upon that fool does evil fall
as fine dust flung against the wind.*

*126. Some find birth within a womb,
evil-doer quicken in hell,
good-farers to the heavens go,
the Unpolluted wholly cool.*

*127. Neither in sky nor surrounding by sea,
nor by dwelling in a mountain cave,
nowhere is found that place in earth
where one's from evil kamma free.*

Người ngu chứa đầy ác
Do chất chứa dần dần.
122. Chớ chê khinh điều thiện
Cho rằng "chưa đến mình",
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người trí chứa đầy thiện,
Do chất chứa dần dần.

123. Ít bạn đường, nhiều tiền,
Người buôn tránh đường hiểm.
Muốn sống, tránh thuốc độc,
Hãy tránh ác như vậy.

124. Bàn tay không thương tích,
Có thể cầm thuốc độc.
Không thương tích, tránh độc,
Không làm, không có ác.

125. Hại người không ác tâm,
Người thanh tịnh, không ố,
Tội ác đến kẻ ngu,
Như ngược gió tung bụi.

126. Có người sinh bào thai,
Kẻ ác sinh địa ngục,
Người thiện lên cõi trời,
Vô lậu chứng Niết Bàn.

127. Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn được quả ác nghiệp.

128. *Neither in sky nor surrounding by sea,
nor by dwelling in a mountain cave,
nowhere is found that place in earth
where one's by Death not overcome.*

128. Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn khỏi tay Thần Chết.



(121)

*Chớ khinh điều ác nhỏ nhoi
Cho rằng: “Quả báo mình thời chịu đâu!”
Nhớ rằng giọt nước nhỏ lâu
Mỗi ngày một chút cũng mau đầy bình,
Người ngu gom góp vào mình
Bao điều ác nhỏ dần thành họa to.*

(122) *Chớ khinh điều thiện nhỏ nhoi
Cho rằng: “Quả báo mình thời hưởng đâu!”
Nhớ rằng giọt nước nhỏ lâu
Mỗi ngày một chút cũng mau đầy bình,
Người hiền trí chứa tâm mình
Bao điều thiện nhỏ dần thành phước to.*



(125)

*Khi mà kẻ ác hại người
Tâm tư trong sạch, cuộc đời hiền lương,
Ác kia trở lại thảm thương
Gây cho kẻ ác trăm đường khổ thay
Tựa như ngược gió vung tay
Tung ra bụi bẩn, bụi bay lại mình.*

X- Dandavagga

Punishment

Phẩm Hình Phạt

129. *All tremble at force,
of death are all afraid.
Likening others to oneself
kill not nor cause to kill.*

129. Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người sợ tử vong.
Lấy mình làm ví dụ
Không giết, không bảo giết.

130. *All tremble at force,
dear is life to all.
Likening others to oneself
kill not nor cause to kill.*

130. Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người thương sống còn;
Lấy mình làm ví dụ,
Không giết, không bảo giết.

131. *Whoever harms with force
those desiring happiness,
as seeker after happiness
one gains no future joy.*

131. Chúng sanh cầu an lạc,
Ai dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau không được lạc.

132. *Whoever doesn't harm with force
those desiring happiness,
as seeker after happiness
one then gains future joy.*

132. Chúng sanh cầu an lạc,
Không dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau hưởng được lạc.

133. *Speak not harshly to other folk,
speaking so, they may retort.
Dukkha indeed is quarrelsome speech
and force for force may hurt you.*

133. Chớ nói lời ác độc,
Nói ác, bị nói lại,
Khổ thay lời phẫn nộ,
Đao trượng phản chạm người.

134. *If like a broken gong
never you reverberate,
quarreling's not part of you,
that Nibbana's reached.*

134. Như chuông nứt bể rồi,
Không còn ra tiếng vọng,
Người đã chứng Niết Bàn,
Tịnh tâm, không phẫn nộ.

*135. As with force the cowherds drive
their cattle out to graze,
like this decay and death drive out
the life from all beings.*

135. Với gậy người chăn bò,
Lùa bò ra bãi cỏ;
Cũng vậy, già và chết,
Lùa người đến mạng chung.

*136. When the fool does evil deeds
their end he does not know,
such kamma burns the one unwise
as one who's scorched by fire.*

136. Người ngu làm điều ác,
Không ý thức việc làm.
Do tự nghiệp, người ngu
Bị nung nấu, như lửa.

*137. Whoever forces the forceless
or offends the inoffensive,
speedily comes indeed
to one of these ten states:*

137. Dùng trượng phạt không
trượng
Làm ác người không ác.
Trong mười loại khổ đau,
Chịu gấp một loại khổ:

*138. Sharp pain or deprivation,
or injury to the body,
or to a serious disease,
derangement of the mind;*

138. Hoặc khổ thọ khốc liệt,
Thân thể bị thương vong,
Hoặc thọ bệnh kịch liệt,
Hay loạn ý tán tâm.

*139. Troubled by the government,
or else false accusation,
or by loss of relatives,
destruction of one's wealth;*

139. Tai vạ từ chính quyền,
Hay bị vu trọng tội;
Bà con phải ly tán,
Tài sản bị nát tan.

*140. Or one's houses burn
on raging conflagration,
at the body's end, in hell
arises that unwise one.*

140. Hoặc phòng ốc nhà cửa
Bị hỏa tai thiêu đốt;
Khi thân hoại mạng chung,
Ác tuệ sanh địa ngục.

141. *Not going naked, nor matted hair,
nor filth,
nor fasting, not sleeping on bare earth,
no penance on heels, nor sweat nor
grime
can purify a mortal still overcome by
doubt.*

142. *Even though adorned, if living in
peace
calm, tamed, established in the holy
life,
for beings all laying force aside:
one pure, one peaceful, a bhikkhu is he.*

143. *Where in the world is found
one restrained by shame,
awakened out of sleep
as splendid horse with whip?*

144. *As splendid horse touched with whip,
be ardent, deeply moved,
by faith and virtue, effort too,
by meditation, Dhamma's search,
by knowledge, kindness, mindfulness;
abandon dukkha limitless!*

145. *Irrigators govern water,
fletchers fashion shafts,
as joiners shape their timber
those of good conduct tame
themselves.*

141. Không phải sống lỏa thể
Bện tóc, tro trét mình,
Tuyệt thực, lăn trên đất,
Sống nhớt, siêng ngồi xồm,
Làm con người được sạch,
Nếu không trừ nghi hoặc.

142. Ai sống tự trang sức,
Nhưng an tịnh, nhiếp phục,
Sống kiên trì, phạm hạnh,
Không hại mọi sinh linh.
Vị ấy là phạm chí,
Hay sa môn, khất sĩ.

143. Thật khó tìm ở đời,
Người biết thẹn, tự chế,
Biết tránh né chỉ trích
Như ngựa hiền tránh roi.

144. Như ngựa hiền chạm roi,
Hãy nhiệt tâm, hăng hái,
Vớ tìn, giới, tinh tấn,
Thiền định cùng trạch pháp.
Minh hạnh đủ, chánh niệm,
Đoạn khổ này vô lượng.

145. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn ván,
Bậc tự điều, điều thân.





(133)

*Đừng nên mở miệng nói câu
Tục tằn, ác độc khiến đau lòng người
Người ta cũng nói trả thôi,
Những lời độc địa muôn đời khổ thay
Lời qua tiếng lại đắng cay
Như bao dao gây phật ngay thân mình.*

(134)

*Nếu mà người giữ lặng yên
Như chuông bể nứt im lìm chẳng vang
Trước lời ác độc phủ phàng
Niết Bàn người đã thênh thang bước vào:
Chẳng còn sân hận chút nào.*



(143)

*Biết điều hổ thẹn bản thân
Để mà tự chế, tự ngăn cấm mình
Thế gian ít kẻ đạt thành
Nhưng khi đạt được, thân lành biết bao
Tránh lời khiển trách khổ đau,
Như là ngựa giỏi roi nào quất đâu.*

XI. Jaravagga

Old Age

146. *Why this laughter, why this joy,
when it's ever blazing?
Shrouded all about by gloom
won't you look for the light?*

147. *See this body beautiful
a mass of sores, a congeries,
much considered but miserable
where nothing's stable, nothing
persists.*

148. *All decrepit is this body,
diseases' nest and frail;
this foul mass is broken up
for life does end in death.*

149. *These dove-hued bones
scattered in Fall,
like long white gourds,
what joy in seeing them?*

150. *This city's made of bones
plastered with flesh and blood,
within are stored decay and death,
besmearing and conceit.*

151. *Even rich royal chariots rot,
the body too does rot, decay,
but undecaying's Dhamma of the Good;
who to the good declare.*

KINH PHÁP CÚ

Phẩm Tuổi Già

146. Cười gì, hân hoan gì,
Khi đời mãi bị thiêu?
Bị tối tăm bao trùm,
Sao không tìm đèn sáng?

147. Nhìn xem tấm thân này,
Khối xương thịt bầy nhầy
Chăm lo, thêm phiền khổ
Nào có gì bền lâu!

148. Sắc này bị suy già,
Ổ tật bệnh, mong manh,
Khối bất tịnh tan nát,
Sống chết chỉ treo mảnh.

149. Những khúc xương trắng hếu,
Vương vãi khắp mọi nơi,
Như những quả bầu héo,
Nhìn chúng còn vui gì?

150. Thành này xây bằng xương,
Trét vữa bằng thịt, máu
Nơi đây già và chết
Nhờ chớp và giả tạm.

151. Xe đẹp cũng hư mục
Thân này rồi sẽ già.
Pháp chí thiện không cũ
Nói cho bậc thiện lành.

Chùa Phổ Giác
Enlightenment Buddhist Center
Novato, California-USA

152. *Just as the ox grows old
so this man of little learning:
his fleshiness increases,
his wisdom doesn't grow.*

152. Người ít nghe kém học,
Lớn già như trâu đực,
Xác thịt tuy lớn lên,
Nhưng tuệ không tăng trưởng.

153. *Through many of samsara's
births
I hasten seeking, finding not
the builder of this house:
pain is birth again, again.*

153. Lang thang bao kiếp sống
Ta tìm nhưng chẳng gặp,
Người xây dựng nhà này,
Khổ thay, phải tái sanh.

154. *O Builder of this house, you're
seen!
you shall not build a house again;
all you beams have given away,
rafters of the ridge decayed,
mind to the Unconditioned gone,
exhaustion of craving has it reached.*

154. Ôi! Kẻ làm nhà kia*
Nay ta đã thấy người!
Người không làm nhà nữa.
Đòn tay** người bị gãy,
Kèo cột*** người bị tan
Tâm ta đạt tịch diệt,
Tham ái thấy tiêu vong.

*Ái; ** Thân;
*** Phiền não

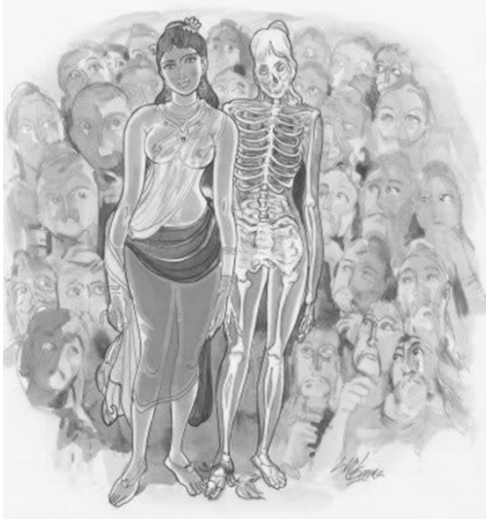
155. *Who have not led the holy life
nor riches won while young,
they linger on as aged cranes
around a fished-out pond.*

155. Lúc trẻ, không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền.
Như cò già bên ao,
Ủ rũ, không tôm cá.

156. *Who have not led the holy life
nor riches won while young,
they languish on, worn-out bows,
sighing for the past.*

156. Lúc trẻ, không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền.
Như cây cung bị gãy,
Thở than những ngày qua.





(147)

Hãy nhìn xem tấm thân này,
Bề ngoài đẹp đẽ, trong đầy nhóp nhơ
Đống xương lở lói vô bờ
Mang bao tật bệnh, cứ ngỡ tốt tươi
Chứa gì bền vững ở đời
Đâu tồn tại mãi mà người bạn tâm?!

(152)

Người không chịu học, chịu nghe
Giống như bò với trâu kia vô ngân,
Trâu bò lớn mạnh thịt gân
Nhưng mà trí tuệ trăm phần y nguyên
Nào đâu phát triển được thêm.



(156)

Lúc còn cường tráng thiếu niên
Đã không tạo dựng được thêm gia tài
Tu hành biếng nhác, chây lười
Khi già nằm xuống dáng người khác chi
Cây cung bị gãy vứt kia
Buồn than dĩ vãng trôi đi mất rồi.

XII- Attavagga

Self

*157. If one holds oneself as dear,
protected, one protects oneself.
One who's wise should be aware
through all the watches three.*

*158. One should first establish
oneself in what is proper.
One may then teach others,
and wise, one is not blamed.*

*159. As one teaches others
so should one do oneself.
Well-tamed, one may tame others,
oneself to tame is hard.*

*160. Oneself is refuge of oneself,
who else indeed could refuge be?
By good training of oneself
one gains a refuge hard to gain.*

*161. By oneself is evil done,
it's born of self and self-produced.
Evil grinds the unwise one
as diamond does the hardest gem.*

*162. He whose conduct's very bad
like oak-tree choked with ivy,
so he does towards himself
what enemies would wish.*

Phẩm Tự Ngã

157. Nếu biết yêu tự ngã,
Phải khéo bảo vệ mình,
Người trí trong ba canh,
Phải cần luôn tỉnh thức.

158. Trước hết tự đặt mình,
Vào những gì thích đáng.
Sau mới giáo hóa người,
Người trí khỏi bị nhiễm.

159. Hãy tự làm cho mình,
Như điều mình dạy người.
Khéo tự điều, điều người,
Khó thay tự điều phục!

160. Tự mình y chỉ mình,
Nào có y chỉ khác.
Nhờ khéo điều phục mình,
Được y chỉ khó được.

161. Điều ác mình tự làm,
Tự mình sanh, mình tạo.
Nghiền nát kẻ ngu si,
như kim cương, ngọc báu.

162. Phá giới quá trầm trọng,
Như cây mắc dây leo,
Gieo hại cho chính mình,
Như kẻ thù mong đợi.

*163. Easy is what's bad to do,
what's harmful to oneself.
But what is good, of benefit,
is very hard to do.*

163. Dễ làm các điều ác,
Dễ làm tự hại mình.
Còn việc lành, việc tốt,
Thật tối thượng khó làm.

*164. Whatever man unwise relies
on evil views and so condemns
the Teaching of the Arahants,
or Noble Ones who Dhamma live,
he, as a bamboo fruiting,
fruits to self-destruction.*

164. Kẻ ngu si miệt thị,
Giáo pháp bậc La Hán,
Bậc Thánh, bậc chánh mạng.
Chính do ác kiến này,
Như loại quả cây lau*
Mang quả tự hoại diệt.

**Katthaka*

*165. By oneself is evil done,
by oneself defiled,
by oneself it's left undone,
by self alone one purified.
Purity, impurity on oneself depend,
no one can purify another.*

165. Tự mình, điều ác làm
Tự mình làm nhiễm ô,
Tự mình, ác không làm,
Tự mình làm thanh tịnh.
Tịnh, không tịnh tự mình,
Không ai thanh tịnh ai!

*166. Let none neglect their good
for others' good however great.
Know well oneself's own good
and to that good attend.*

166. Dầu lợi người bao nhiêu,
Chớ quên phần tư lợi,
Nhờ thắng trí tư lợi.
Hãy chuyên tâm lợi mình.





(159)

*Muốn khuyên, muốn dạy dỗ ai
Trước tiên hãy tự sửa nơi chính mình
Đích thân gương mẫu thực hành
Rồi sau mới dạy điều lành điều hay
Sửa mình quả thật khó thay!*

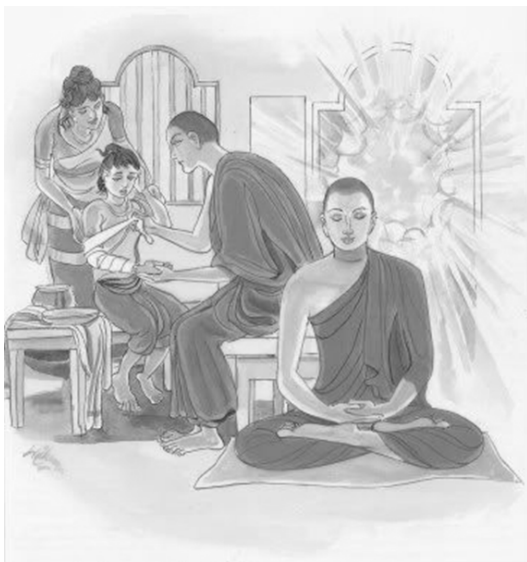
(162)

*Người phá giới tự hại mình,
Như dây chum gửi leo quanh cây vườn
Dần dần siết chết cây luôn,
Người này gieo hại bản thân vô bờ,
Gieo điều xấu, ác mong chờ
Mà quân thù địch ước mơ hại mình.*



(166)

*Chớ vì lợi ích cho người
Mà quên lợi ích cho nơi chính mình
Mục tiêu giải thoát tử sinh
Ai lo lợi ích cho mình chớ quên
Quyết tâm đạt được cho bền.*



XIII- Lokavagga

World

167. *Do not follow base desires,
nor live with heedlessness,
do not follow wrong beliefs
to grow in worldly ways.*

168. *Rouse yourself, be diligent,
in Dhamma faring well.
Who dwells in Dhamma's happy
in this birth and the next.*

169. *Fare in Dhamma coursing well,
in evil courses do not fare.
Who dwells in Dhamma's happy
in this birth and the next.*

170. *Just as a bubble may be seen,
just as a faint mirage,
so should the world be viewed
that the Death-king sees one not.*

171. *Come, look upon this world
like to a rich, royal chariot
wherein fools lounge at ease
but alert ones linger not.*

172. *Whoso was heedless formerly
but later lives with heedfulness
illuminates all this world
as moon when free of clouds.*

KINH PHÁP CÚ

Phẩm Thế Gian

167. Chớ theo pháp hạ liệt.
Chớ sống mặc, buông lung;
Chớ tin theo tà kiến,
Chớ tăng trưởng tục trần.

168. Nỗ lực, chớ phóng dật!
Hãy sống theo chánh hạnh;
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau.

169. Hãy khéo sống chánh hạnh,
Chớ sống theo tà hạnh!
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau.

170. Hãy nhìn kia bọt nước,
Chỉ là như cảnh huyễn!
Quán nhìn đời như vậy,
Thần chết không bắt gặp.

171. Hãy đến nhìn đời này,
Như xe vua lộng lẫy,
Người ngu mới tham đắm,
Kẻ trí nào đắm say.

172. Ai sống trước buông lung,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng rực đời này.
Như trăng thoát mây che.

Chùa Phổ Giác
Enlightenment Buddhist Center
Novato, California-USA

173. *Who by wholesome kamma
covers up the evil done
illuminates all this world
as moon when free from clouds.*

174. *This world is blind-become
few are here who see within
as few the birds break free from net
so those who go to heavens.*

175. *Swans upon the sun's path fly,
the powerful through space,
conquering Mara and his host
away from the world the wise are led.*

176. *For one who falsely speaks,
who disregards the Dhamma,
who other lives denies:
no evil this one will not do.*

177. *To heavenly realms the mean don't
fare,
fools magnanimity ne'er acclaim,
but the one of wisdom rejoices at giving
and happy will be in future lives.*

178. *Than o'er the earth sole sovereignty,
than going unto heaven,
than lordship over all the worlds:
better the Steam-winner's Fruit.*



173. Ai dùng các hạnh lành,
Làm xóa mờ nghiệp ác,
Chói sáng rức đời này,
Như trăng thoát mây che.

174. Đời này thật mù quáng,
Ít kẻ thấy rõ ràng.
Ít chim thoát khỏi lưới,
Đến được chốn thiên đàng.

175. Như chim thiên nga bay,
Thần thông liệng giữa trời;
Chiến thắng ma, ma quân,
Kẻ trí thoát đời này.

176. Ai vi phạm một pháp,
Ai nói lời vọng ngữ,
Ai bác bỏ đời sau,
Không ác nào không làm.

177. Keo kiết không sanh
thiên,
Kẻ ngu ghét bố thí,
Người trí thích bố thí,
Đời sau, được hưởng lạc.

178. Hơn thống lãnh cõi đất,
Hơn được sanh cõi trời,
Hơn chủ trì vũ trụ,
Quả Dự Lưu tối thắng.



(167)

*Đừng theo dục vọng thấp hèn
Sống đừng buông thả đắm chìm bản thân
Đừng mang thành kiến sai lầm
Đừng tăng thêm mãi dương gian não phiền
Luân hồi sinh tử triền miên.*

(170)

*Tựa như bọt nước trôi sông,
Lâu dài, phó chợ bênh bồng biển sương
Toàn là ảo ảnh vô thường
Nhìn đời như vậy còn vương vấn gì
Tử thân ta há sợ chi.*



(172)- (173)

*Người nào trước sống buông lung
Sau không phóng dật, một lòng chuyên tu
Nhu trăng thoát khỏi mây mù
Sáng soi trần thế, đẹp phô ánh vàng.
Người nào làm những việc lành
Xóa mờ nghiệp ác của mình thuở xưa
Nhu trăng thoát khỏi mây mù
Sáng soi trần thế, đẹp phô ánh vàng.*

XIV- Buddhavagga

The Buddha

*179. That Buddha traceless of infinite range
whose victory none may e'er undo,
whose vanquished follow to no world,
then by which track will you trace him?*

*180. That Buddha traceless of infinite range
in whom's no entangling craving
and no ensnaring not anywhere leading,
then by which track will you trace him?*

*181. E'er intent on concentration,
joyful in peace of letting go,
mindful, wise, the perfect Buddhas,
to even devas they are dear.*

*182. Human birth is hard to gain,
hard for mortals is their life,
to come to Dhamma True is hard,
rare the Buddhas' arising.*

*183. Every evil never doing
and in wholesomeness increasing
and one's heart well-purifying:
this is the Buddhas' Teaching.*

Phẩm Phật Đà

179. Vị chiến thắng tham ái,
Là bất khả so bì,
Vị đức độ vô lượng,
Cám dỗ sao được người?

180. Vị giải tỏa lưới tham,
Ái dục không vướng mắc
Vị đức độ vô lượng
Cám dỗ sao được người?

181. Người trí chuyên thiền
định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư thiên đều ái kính,
Bậc chánh giác, chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,
Khó thay, được sống còn,
Khó thay, theo Diệu Pháp,
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Lời Phật dạy rành rành.

184. *Patience's the austerity supreme,
"Nibbana's supreme" the Buddhas say.
One who irks or others harms
is not ordained or monk become.*

185. *Not reviling, neither harming,
well-restrained in Patimokha,
knowing reason in one's food,
dwelling far in solitude,
and striving in the mind sublime:
this is the Buddhas' Teaching.*

186. *Not by rain of golden coins
is found desires' satiety,
desires are dukkha, of little joy,
thus a wise one understands.*

187. *Even with pleasures heavenly
that one finds no delight,
the perfect Buddha's pupil
delights in craving's end.*

188. *Many a refuge do they seek
on hills, in woods, to sacred trees,
to monasteries and shrines they go;
folk by fear tormented.*

189. *Such refuge isn't secure,
such refuge isn't supreme.
From all dukkha one's not free
unto that refuge gone.*

184. Chư Phật thường giảng dạy:
Nhẫn, khổ hạnh tối thượng;
Niết bàn quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.

186. Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các dục khó thỏa mãn.
Dục đáng nhiều ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc chánh giác,
Không tìm cầu dục lạc,
Dầu là dục chư thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt.

188. Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Sao thoát mọi khổ đau?

*190. But going for refuge to Buddha,
to Dhamma and the Sangha too,
one sees with perfect wisdom
the tetrad of the Noble Truths:*

*191. Dukkha, its causal arising,
the overcoming of dukkha,
and the Eight-fold Path that's Noble
leading to dukkha's allaying.*

*192. Such refuge is secure,
such refuge is supreme.
From all dukkha one is free
unto that refuge gone.*

*193. Hard to find the pure and noble
who isn't born just anywhere,
wherever one so wise is born
that family thrives happily.*

*194. Blessed is the birth of Buddhas,
blest True Dhamma's Teaching,
blest the Sangha's harmony
and blessed is their striving.*

*195. Who venerates the venerable
Buddhas or their disciples,
have overcome the manifold,
grief and lamentation left.*

*196. They who are "Thus", venerable,
cool and free from every fear -
no one is able to calculate
their merit as "just-so-much".*

190. Ai quy y Đức Phật,
Chánh Pháp và chư Tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được bốn Thánh đế.

191. Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy đường Thánh tám ngành,
Đưa đến khổ não tận.

192. Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,
Có quy y như vậy,
Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc thánh hơn,
Không phải đâu cũng có.
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, Phật ra đời!
Vui thay, Pháp được giảng!
Vui thay, Tăng hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!

195. Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được.





(181)

*Người hiền trí chuyên tu thiền
Ưa hương giải thoát, thích miền tịnh yên
Nghĩ suy giác ngộ vô biên
Chúng sinh yêu kính, chư thiên nể vì.*

(183)

*Chớ làm điều ác bao giờ
Làm điều lành tốt người chờ, người mong
Giữ tâm, giữ ý sạch trong
Là lời Phật dạy ghi lòng chớ quên.*



(190-191)

*Nếu quy y Phật, Pháp, Tăng
Riêng phần trí tuệ vinh thăng nhiệm màu
Hiểu ra Tứ Đế thâm sâu:
Biết rằng trần thế khổ đau là gì,
Hiểu ra nguồn gốc khổ kia,
Biết đường diệt hết khổ đi là rồi
Biết Bát Chánh Đạo tuyệt vời
Tám đường chân chính con người nên theo*



XV- Sukhavagga

Happiness

197. *We the unhating live
happily midst the haters,
among the hating humans
from hatred dwell we free.*

198. *We who are healthy live
happily midst the unhealthy,
among unhealthy humans
from ill-health dwell we free.*

199. *We the unfrenzied live
happily midst the frenzied,
among the frenzied humans
from frenzy dwell we free.*

200. *We for whom there's nought
live indeed so happily,
joy-sustained we'll be
like resplendent gods.*

201. *Victory gives rise to hate,
those defeated lie in pain,
happily rest the Peaceful
surrendering victory-defeat.*

KINH PHÁP CÚ

Phẩm An Lạc

197. Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù!
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù!

198. Lành thay khi ta sống,
Không bệnh giữa ốm đau!
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau.

199. Lành thay khi ta sống,
Không rộn giữa rộn ràng;
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng.

200. Lành thay khi ta sống,
Không gì, gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc.
Xa lìa mọi hơn-thua.

Chùa Phổ Giác
Enlightenment Buddhist Center
Novato, California-USA

*202. There's no fire like lust,
no evil like aversion,
no dukkha like the aggregates,
no higher bliss than Peace.*

202. Lửa nào sánh lửa tham?
Ác nào bằng sân hận ?
Khổ nào sánh khổ uẩn,
Lạc nào bằng tịnh lạc.

*203. Hunger is the greatest ill,
the greatest dukkha - conditionedness,
knowing this reality at it is:
Nibbana bliss supreme.*

203. Đói ăn, bệnh tối thượng,
Các hành, khổ tối thượng,
Hiểu như thực là vậy,
Niết bàn, lạc tối thượng.

*204. Health's the greatest gain,
contentment, best of wealth,
trusting's best of kin,
Nibbana bliss supreme.*

204. Không bệnh, lợi tối thượng,
Biết đủ, tiền tối thượng.
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thượng,
Niết bàn, lạc tối thượng.

*205. Having drunk of solitude
and tasted Peace Sublime,
free from sorrow, evil-free,
one drinks of Dhamma's joy.*

205. Đã nếm vị độc cư,
Được hưởng vị nhàn tịnh,
Không sợ hãi, không ác,
Nếm được vị pháp hỷ.

*206. So fair's the sight of Noble Ones,
ever good their company,
by relating not to fools
ever happy one may be.*

206. Lành thay, thấy thánh nhân,
Sống chung thường hưởng lạc.
Không vướng bận kẻ ngu,
Sẽ thường được an lạc.

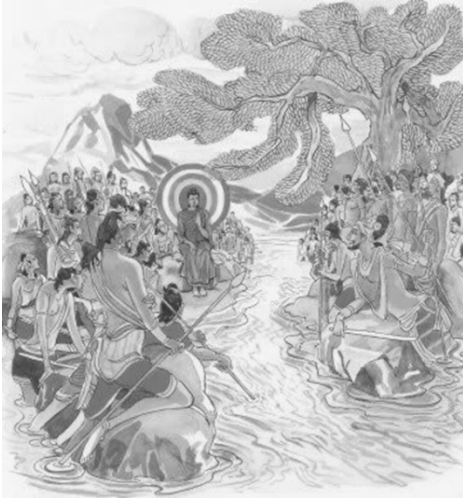
*207. Who moves among fool's company
must truly grieve for long,
for ill the company of fools
as ever that of foes,
but weal's a wise one's company
as meeting of one's folk.*

207. Sống chung với người ngu,
Lâu dài bị lo buồn.
Khổ thay gần người ngu,
Thường khi bị đối nghịch.
Vui thay, gần người trí,
Thân thiết như họ hàng.

*208. Thus go with the steadfast, wise,
well-versed,
firm of virtue, practice-pure,
Ennobled "Such", who's sound, sincere,
as moon in wake of the Milky Way.*

208. Do vậy :
Bậc hiền sĩ, trí tuệ
Bậc nghe nhiều, trì giới,
Bậc tự chế, Thánh nhân;
Hãy gần gũi, thân cận
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng dãi Ngân Hà.



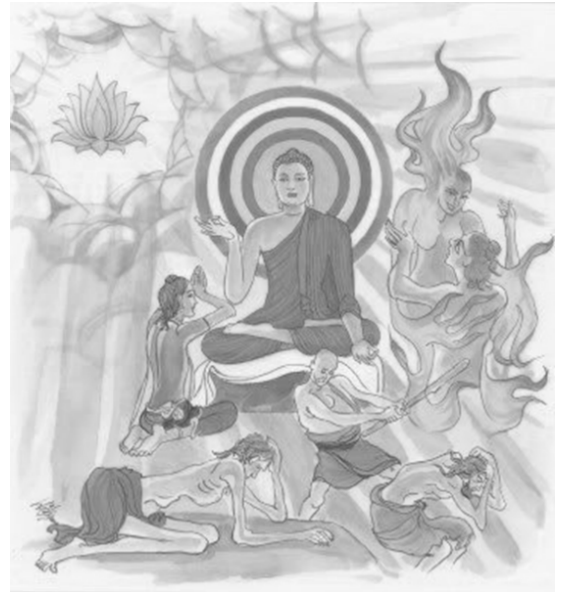


(197)

Ở ngay giữa đám nhân sinh
Dù người hờn oán, nếu mình thanh thoi
Sống không thù hận cùng người
Thật là sung sướng, cuộc đời thơm hương.

(202)

Lửa nào lại sánh được ngang
Lửa tham lửa dục cháy tan dũ dần,
Ác nào lại sánh cho bằng
Ác sân ác hận hung hăng oán hờn,
Khổ nào lại vượt được hơn
Khổ thân ngũ uẩn hợp tan sớm chiều,
Vui kia so sánh đủ điều
Sao bằng vui chón cao siêu Niết Bàn.



(208)

Đúng như vậy! Thật rõ ràng:
Nếu gần gũi được những hàng thánh nhân,
Người hiền trí, người đa văn
Những người trì giới thành tâm, kiên trì
Nên theo gót họ mọi bề
Như trăng theo mãi đường đi sao trời.

XVI- Piyavagga

Affection

Phẩm Hỷ Ái

209. One makes an effort where none's due

*with nothing done where effort's due,
one grasps the dear, gives up the Quest
envying those who exert themselves.*

209. Tự chuyên, không đáng chuyên

Không chuyên, việc đáng chuyên
Bỏ đích, theo hỷ ái,
Ganh tị bậc tự chuyên.

*210. Don't consort with dear ones
at any time, nor those not dear,
'tis dukkha not to see the dear,
'tis dukkha seeing those not dear.*

210. Chớ gần gũi người yêu,
Trọn đời xa kẻ ghét.
Yêu không gặp là khổ,
Oán phải gặp cũng đau.

*211. Others then do not make dear
for hard's the parting from them.
For whom there is no dear, undear
in them no bonds are found.*

211. Do vậy chớ yêu ai,
Ái biệt ly là ác;
Những ai không yêu ghét,
Không thể có buộc ràng.

*212. From endearment grief is born,
from endearment fear,
one who is endearment-free
has no grief -- how fear?*

212. Do ái sinh sầu ưu,
Do ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

*213. From affection grief is born,
from affection fear,
one who is affection-free
has no grief -- how fear?*

*214. From lustfulness arises grief,
from lustfulness springs fear,
one wholly free of lustfulness
has no grief -- how fear?*

*215. From attachment grief is born,
from attachment fear,
one who is attachment-free
has no grief -- how fear?*

*216. Out of craving grief is born,
out of craving fear,
one fully freed of craving
has no grief -- how fear?*

*217. Perfect in virtue and insight,
firm in Dhamma, knower of Truth,
dear to the people's such a one
who does what should be done.*

213. Ái luyến sinh sầu ưu,
Ái luyến sinh sợ hãi.
Ai giải thoát ái luyến
Không sầu, đâu sợ hãi?

214. Hỷ ái sinh sầu ưu,
Hỷ ái sinh sợ hãi.
Ai giải thoát hỷ ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

215. Dục ái sinh sầu ưu,
Dục ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi dục ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

216. Tham ái sinh sầu ưu,
Tham ái sinh sợ hãi.
Ai giải thoát tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

217. Đủ giới đức, chánh kiến ;
Trú pháp, chứng chân lý,
Tự làm công việc mình,
Được quần chúng ái kính.

218. *One with a wish for the Undeclared,
with mind so well-pervaded,
a mind not bound in pleasures of sense,
an "upstream-goer's" called.*

218. Ước vọng pháp ly ngôn*
Ý cảm xúc thượng quả**
Tâm thoát ly các dục,
Xứng gọi bậc Thượng Lưu.

*Niết Bàn

**Ba Thánh quả

219. *One who's long away from home
returns in safety from afar,
then friends, well-wishers, kinsmen too
are overjoyed at his return.*

219. Khách lâu ngày ly hương,
An toàn từ xa về,
Bà con cùng thân hữu,
Hân hoan đón chào mừng.

220. *In the same way, with merit done
when from this world to another gone
those merits then receive one there
as relatives a dear one come.*

220. Cũng vậy các phước nghiệp,
Đón chào người làm lành,
Đời này đến đời kia.
Như thân nhân, đón chào.





(209)

*Siêng làm việc chẳng đáng làm
Lơ là những việc vô vàn thiết thân
Quên đi mục đích tối cần
Chạy theo dục lạc muôn phần lầm sai
Ai mà như vậy muôn đời
Tỵ hiềm, ganh ghét những người chuyên tu.*

(219)

*Hãy nhìn người khách ly hương
Lâu ngày an ổn từ phương xa về
Bà con cùng với bạn bè
Hân hoan chào đón tràn trề niềm vui,*



(220)

*Người hành thiện cũng vậy thôi
Tạo ra nghiệp phước để rồi mất đầu
Qua đời này đến đời sau
Bao nhiêu nghiệp phước khác nào người thân
Đón mừng họ rất ân cần.*



XVII- Kodhavagga

Anger

221. *Anger and pride should one forsake,
all fetters cast aside,
dukkha's none where no desire,
no binding to body or mind.*

222. *Who checks arising anger
as with chariot away,
that one I call a charioteer,
others merely grip the reins.*

223. *Anger conquer by amity,
evil conquer with good,
by giving conquer miserly,
with truth the speaker of falsity.*

224. *Speak truth and be not angry,
from little give to one who asks,
by these conditions three to go
unto the presence of the gods.*

225. *Those sages inoffensive
in body e'er restrained
go unto the Deathless State
where gone they grieve no more.*

Phẩm Phần Nộ

221. Bỏ phần nộ, ly mạn,
Vượt qua mọi kiết sử,
Không chấp trước danh sắc.
Khổ không theo vô sản.

222. Ai chặn được phần nộ,
Như dừng xe đang lăn,
Ta gọi người đánh xe,
Kẻ khác, cầm cương hờ.

223. Lấy không giận thắng giận,
Lấy thiện thắng không thiện,
Lấy thí thắng xan tham,
Lấy chơn thắng hư ngụy.

224. Nói thật, không phần nộ,
Của ít, thí người xin,
Nhờ ba việc lành này,
Người đến gần thiên giới.

225. Bậc hiền không hại ai,
Thân thường được chế ngự
Đạt được cảnh bất tử,
Đến đây, không ưu sầu.

226. *For the ever-vigilant
who train by day and night
upon Nibbana e'er intent
pollutions fade away.*

227. *An ancient saying, Atula,
not only said today --
"They are blamed who silent sit,
who often speak they too are blamed,
and blamed are they of measured speech" --
there's none in the world unblamed.*

228. *There never was, there'll never be
nor now is ever found
a person blamed perpetually
or one who's wholly praised.*

229. *But those who are intelligent
praise one of flawless conduct, sage,
in wisdom and virtue well-composed,
having observed him day by day.*

226. Những người thường giác
tỉnh,
Ngày đêm siêng tu học,
Chuyên tâm hướng Niết bàn,
Mọi lậu hoặc được tiêu.

227. A-tu-la, nên biết,
Xưa vậy, nay cũng vậy,
Ngồi im, bị người chê,
Nói nhiều, bị người chê,
Nói vừa phải, bị chê.
Làm người không bị chê,
Thật khó tìm ở đời.

228. Xưa, vị lai, và nay,
Đâu có sự kiện này,
Người hoàn toàn bị chê,
Người trọn vẹn được khen.

229. Sáng sáng, thẩm xét kỹ.
Bậc có trí tán thán.
Bậc trí không tỳ vết,
Đầy đủ giới định tuệ.

230. *Who's to blame that one so fine
as gem from Jambu stream?*

*Even the devas that one praise,
by Brahma too is praised.*

230. Hạnh sáng như vàng ròng,
Ai dám chê vị ấy?

Chư thiên phải khen thưởng,
Phạm Thiên cũng tán dương.

231. *Rough action one should guard against,
be with body well-restrained,
bad bodily conduct having shed
train oneself in good.*

231. Giữ thân đừng phẫn nộ,
Phòng thân khéo bảo vệ,
Từ bỏ thân làm ác,
Với thân làm hạnh lành.

232. *Rough speaking one should guard against,
be in speaking well-restrained,
bad verbal conduct having shed
train oneself in good.*

232. Giữ lời đừng phẫn nộ,
Phòng lời khéo bảo vệ,
Từ bỏ lời thô ác,
Với lời, nói điều lành.

233. *Rough thinking one should guard against,
be in thinking well-restrained,
bad mental conduct having shed
train oneself in good.*

233. Giữ ý đừng phẫn nộ,
Phòng ý, khéo bảo vệ,
Từ bỏ ý nghĩ ác,
Với ý, nghĩ hạnh lành.

234. *Restrained in body are the wise,
in speech as well they are restrained,
likewise are they restrained in mind,
they're perfectly restrained.*

234. Bậc trí bảo vệ thân,
Bảo vệ luôn lời nói
Bảo vệ cả tâm tư,
Ba nghiệp khéo bảo vệ.



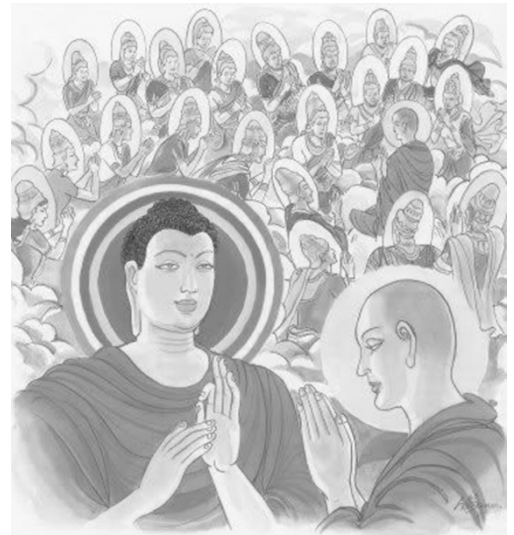


(222)

*Khi cơn giận dữ bùng ra
Ai mà ngăn được mới là người hay
Giỏi như hãm lại được ngay
Chiếc xe đang chạy chở đây, phóng nhanh,
Nếu không thì bản thân mình
Cầm cương hờ hững tài tình gì đâu.*

(224)

*Nói lời chân thật luôn luôn,
Dẹp cơn nóng giận dỗi hờn khó coi,
Dù ta có ít của thôi
Cũng chia bố thí cho người đến xin,
Nhờ ba việc tốt lành trên
Đưa ta đến cõi chư thiên, cõi trời.*



(227)

*Người con Phật hãy nghe đây
Chuyện không phải chỉ đời này mà thôi
Từ đời xưa đã nói rồi:
“Làm thinh thời sẽ có người chê bai,
Nói nhiều cũng bị chê hoài,
Dù cho nói ít cũng người chê thôi”.
Làm người không bị chê cười
Thực là chuyện khó ở nơi cõi trần.*



XVIII- Malavagga

Impurities

*235. Now a withered leaf you are
and now Death's men draw near,
now you stand at the parting gates
but waybread you have none.*

*236. Make an island of yourself,
quickly strive and wise become,
freed from stain and passionless
to go to the pure Abodes.*

*237. Even now the end draws near,
to the presence of death you've fared.
Along the path's no place for rest
and waybread you have none.*

*238. Make an island of yourself,
quickly strive and wise become,
freed from stain and passionless
you'll not return, take flesh, decay.*

*239. Little by little, time after time,
successively then let the sage
blow away all blemishes
just as a smith with silver.*

Phẩm Cấu Uế

235. Người nay giống lá héo,
Diêm sứ đang chờ người,
Người đứng trước cửa chết,
Đường trường thiếu tư lương.

236. Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp, sáng suốt.
Trừ cấu uế, thanh tịnh,
Đến Thánh địa chư Thiên.

237. Đời người nay sắp tàn,
Tiến gần đến Diêm Vương.
Giữa đường không nơi nghỉ,
Đường trường thiếu tư lương.

238. Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp, sáng suốt.
Trừ cấu uế, thanh tịnh,
Chẳng trở lại sanh-già.

239. Bậc trí theo tuần tự.
Từng sát na trừ dần
Như thợ vàng lọc bụi
Trừ cấu uế nơi mình.

240. *As rust arisen out of iron
itself that iron eats away,
so kammās done beyond what's wise
lead to a state of woe.*

240. Như sét từ sắt sinh,
Sắt sanh lại ăn sắt,
Cũng vậy, quá lợi dưỡng
Tự nghiệp dẫn cõi ác.

241. *For oral tradition, non-recitation,
in household life, non-exertion,
the fair of form when slovenly,
a sentry's sloth: all blemishes.*

241. Không tụng làm nhóp kinh,
Không đứng dậy, bản nhà,
Biếng nhác làm nhơ sắc,
Phóng dật uest người canh.

242. *In woman, conduct culpable,
with givers, avariciousness,
all blemishes these evil things
in this world or the next.*

242. Tà hạnh như đàn bà,
Xan tham nhóp kẻ thí,
Ác pháp là vết nhơ,
Đời này và đời sau.

243. *More basic than these blemishes
is ignorance, the worst of all.
Abandoning this blemish then,
be free of blemish, monks!*

243. Trong hàng cầu uest ấy,
Vô minh, như tối thương,
Đoạn như ấy, tử kheo,
Thành bậc không uest nhiễm.

244. *Easy the life for a shameless one
who bold and forward as a crow,
is slanderer and braggart too:
this one's completely stained.*

244. Dễ thay, sống không thẹn
Lỗ mãng như quạ đen,
Sống công kích huyênh hoang,
Một đời đầy ô trược.

245. *But hard the life of a modest one
who always seeks for purity,
who's cheerful though no braggart,
clean-living and discerning.*

245. Khó thay, sống biết thẹn,
Luôn tìm cầu thanh tịnh.
Hòa ái, không khoe khoang,
Trong sạch và sáng suốt.

*246. In the world who life destroys,
who words of falsity speaks,
who takes what is not freely given
or to another's partner goes.*

246. Ai ở đời sát sinh,
Nói láo không chân thật,
Lấy của không được cho,
 Gian dâm với vợ người.

*247. Or has distilled, fermented drinks:
Who with abandon follows these
extirpates the root of self
even here in this very world.*

247. Hoặc say sưa chè chén,
Sống ham mê như vậy,
Là tự mình bật gốc
 Ngay tại chính đời này

*248. Therefore friend remember this;
Hard to restrain are evil acts,
don't let greed and wickedness
down drag you long in dukkha.*

248. Vậy nên người hãy biết,
Không chế ngự là ác,
Chớ để tham phi pháp,
Làm đau khổ trầm luân.

*249. People give as they have faith,
as they are bright with joyfulness.
Who's troubled over gifts received,
the food and drink that others get,
neither in daytime nor by night
will come to a collected mind.*

249. Do tín tâm, hỷ tâm
Loài người mới bố thí.
Nếu ai có bất mãn
Vì người khác được hơn,
Sẽ ngày đêm so đo,
Làm sao được tâm tịnh?

*250. But who has severed envy's mind,
uprooted it, destroyed entire,
indeed in daytime and by night
will come to a collected mind.*

250. Ai mà nhổ gốc được,
Lòng ghen tị hầm hừ.
Người ấy ngày hoặc đêm,
Sẽ đạt được tâm định.

251. *There is no fire like lust,
nought seizes like aversion,
unequalled is delusion's net,
no river's like to craving.*

251. Lửa nào bằng lửa tham!
Chấp nào bằng sân hận!
Lưới nào bằng lưới si!
Sông nào bằng sông ái!

252. *Other's faults are easy to see
yet hard it is to see one's own,
and so one winnows just like chaff
the faults of other people, while
hiding away those of one's own
as crafty cheat the losing throw.*

252. Dễ thay thấy lỗi người,
Lỗi mình thấy mới khó.
Lỗi người, ta phanh tìm,
Như sàng trấu trong gạo.
Còn lỗi mình, che đậy,
Như kẻ gian giấu bài.

253. *Who's always seeing other's faults,
taking offence, censorious,
pollutions spread for such a one
who's far from their exhaustion.*

253. Ai thấy lỗi của người,
Thường sanh lòng chỉ trích,
Người ấy lậu hoặc tăng,
Rất xa lậu hoặc diệt.

254. *In skies above there is no path,
no peaceful one's without,
in manifoldness do folk delight,
Tathagatas are manifold-free.*

254. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không sa môn,
Chúng sanh thích hý luận,
Như Lai, hý luận trừ.

255. *In skies above there is no path,
no peaceful one's without,
nothing conditioned ever lasts,
no Buddha's ever shaken.*

255. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không sa môn.
Các hành không thường trú,
Chư Phật không dao động.





(236)

Hãy lo tự tạo cho mình

Một hòn đảo để tu hành bình an

Tinh cần, trí tuệ, khôn ngoan

Gột đi dục vọng, phá tan não phiền

Bước lên cảnh giới chư thiên.

(240)

Sét kia do sắt sinh ra

Để rồi trở lại ăn qua sắt này

Khác chi nghiệp ác người gây

Nghiệp kia trở lại hại ngay người rồi

Đưa người vào cõi ác thôi.



(249)

Do lòng tin, bởi niềm vui

Người người bố thí, nơi nơi cúng dường

Kẻ mà tâm xấu buông lung

Thấy ai được hưởng, trong lòng ghét ganh

Ngày đêm sẽ mãi quần quanh

Không hề an tịnh tâm mình được lâu.



XIX- Dhammatthavagga

Established in Dhamma

256. *Whoever judges hastily
does Dhamma not uphold,
a wise one should investigate
truth and untruth both.*

257. *Who others guides impartially
with carefulness, with Dhamma,
that wise one Dhamma guards,
a "Dhamma-holder's" called.*

258. *Just because articulate
one's not thereby wise,
hateless, fearless and secure,
a "wise one" thus is called.*

259. *Just because articulate
one's not skilled in Dhamma;
but one who's heard even little
and Dhamma in the body sees,
that one is skilled indeed,
not heedless of the Dhamma.*

260. *A man is not an Elder
though his head be grey,
he's just fully ripe in years,
"aged-in-vain" he's called.*

Phẩm Pháp Trụ

256. Người đâu phải pháp trụ,
Xử sự quá chuyên chế,
Bậc trí cần phân biệt
Cả hai chánh và tà!

257. Không chuyên chế, đúng pháp,
Công bằng, dắt dẫn người,
Bậc trí sống đúng pháp,
Thật xứng danh Pháp trụ.

258. Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh bậc trí.
An ổn, không oán sợ.
Thật đáng gọi bậc Trí.

259. Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh trì pháp,
Những ai tuy nghe ít,
Nhưng thân hành đúng pháp,
Không phóng túng chánh pháp,
Mới xứng danh trì pháp.

260. Không phải là trưởng lão,
Dù cho có bạc đầu.
Nếu chỉ tuổi tác cao,
Được gọi là "Lão ngu".

261. *In whom is truth and Dhamma too,
harmlessness, restraint, control,
he's steadfast, rid of blemishes,
an "Elder" he is called.*

262. *Not by eloquence alone
or by lovely countenance
is a person beautiful
if jealous, boastful, mean.*

263. *But "beautiful" is called that one
in whom these are completely shed,
uprooted, utterly destroyed,
a wise one purged of hate.*

264. *By shaven head no Samana
if with deceit, no discipline.
Engrossed in greed and selfishness
how shall he be a Samana?*

265. *All evils altogether he
subdues both fine and gross.
Having subdued all evil he
indeed is called a "Samana".*

266. *Though one begs from others
by this alone's no bhikkhu.
Not just by this a bhikkhu
but from all Dhamma doing.*

KINH PHÁP CÚ

261. Ai chân thật, đúng pháp,
Không hại, biết chế phục,
Bậc trí không cấu uế,
Mới xứng danh "Trưởng Lão".

262. Không phải nói lưu loát,
Không phải sắc mặt đẹp,
Thành được người lương thiện,
Nếu ganh, tham, dối trá.

263. Ai cắt được, phá được
Tận gốc nhổ tâm ấy
Người trí ấy diệt sân,
Được gọi người hiền thiện.

264. Đầu trọc, không Sa môn
Nếu phóng túng, nói láo.
Ai còn đầy dục tham,
Sao được gọi Sa môn ?

265. Ai lắng dịu hoàn toàn,
Các điều ác lớn nhỏ,
Vì lắng dịu ác pháp,
Được gọi là Sa môn.

266. Chỉ khát thực nhờ người,
Đâu phải là tỳ kheo!
Phải theo pháp toàn diện,
Khất sĩ không, không đủ.

Chùa Phổ Giác
Enlightenment Buddhist Center
Novato, California-USA

267. *Who both good and evil deeds
has gone beyond with holy life,
having discerned the world he fares
and "Bhikkhu" he is called.*

268. *By silence one is not a sage
if confused and foolish,
but one who's wise, as if with scales
weighs, adopts what's good.*

269. *Shunning evil utterly
one is a sage, by that a sage.
Whoever both worlds knows
for that one's called a "Sage".*

270. *By harming living beings
one is not a "Noble" man,
by lack of harm to all that live
one is called a "Nobel One".*

271. *Not by vows and rituals
or again by learning much
or by meditative calm
or by life in solitude.*

272. *Should you, O bhikkhu, be content,
"I've touched the bliss of letting go
not enjoyed by common folk",
though you've not gained pollution's end.*

267. Ai vượt qua thiện ác,
Chuyên sống đời Phạm Hạnh,
Thấu triệt được lẽ đời,
Mới xứng danh tử kheo.

268. Im lặng nhưng ngu si,
Đâu được gọi ẩn sĩ?
Như người cầm cán cân,
Bậc trí chọn điều lành.

269. Từ bỏ các ác pháp,
Mới thật là ẩn sĩ.
Ai thật hiểu hai đời
Mới được gọi ẩn sĩ.

270. Còn sát hại sinh linh,
Đâu được gọi Hiền thánh.
Không hại mọi hữu tình,
Mới được gọi Hiền thánh.

271. Chẳng phải chỉ giới cấm
Cũng không phải học nhiều,
Chẳng phải chứng thiền định,
Sống thanh vắng một mình.

272. "Ta hưởng an ổn lạc,
Phàm phu chưa hưởng được":
Tử kheo, chớ tự tin
Khi lậu hoặc chưa diệt.



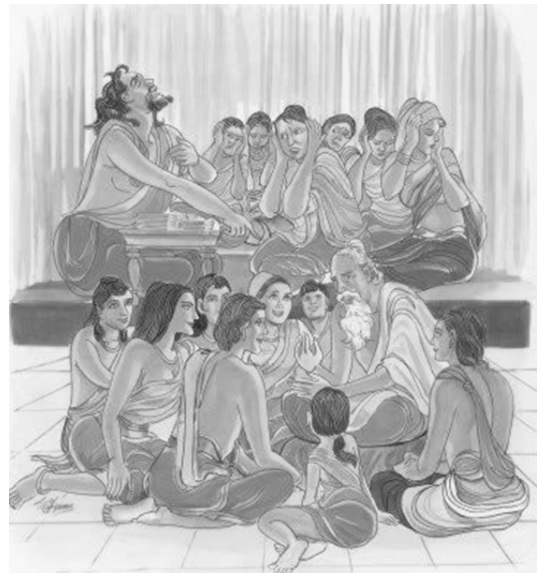


(256)

*Người mà phân xử vội vàng
Tỏ ra khinh suất. Công bằng còn đâu!
Chánh, tà phân biệt trước sau
Mới là kẻ trí, đạo màu luôn theo.*

(258)

*Nào đâu
cứ phải nhiều lời
Mới là kẻ trí, chuyện đời tinh thông
Ai mà an tịnh thân tâm
Oán thù, hãi sợ trăm phần dẹp nhanh
Mới là người trí xứng danh.*



(262)

*Người hay ganh tị, dối gian
Lại thêm ích kỷ, kiêu căng ở đời
Dù cho ăn nói có tài
Dù cho tướng mạo bề ngoài bảnh bao
Chắc đâu được liệt ngay vào
Thành người lương thiện dễ nào hơn ai!*



XX- Maggavagga

The Path

Phẩm Đạo

*273. Of paths the Eight-fold is the best,
of truths the statement Four,
the passionless of teachings best,
of humankind the Seer.*

273. Tám chánh, đường thù thắng,
Tứ đế, lý thù thắng,
Ly tham, pháp thù thắng,
Giữa các loài hai chân,
Pháp nhãn, người thù thắng.

*274. This is the Path, no other's there
for purity of insight,
enter then upon this path
bemusing Mara utterly.*

274. Đường này, không đường khác
Đưa đến kiến thanh tịnh.
Nếu người theo đường này,
Ma quân sẽ mê loạn.

*275. Entered then upon this Path
you'll make an end of dukkha.
Freed in knowledge from suffering's stings
the Path's proclaimed by me.*

275. Nếu người theo đường này,
Đau khổ được đoạn tận.
Ta dạy người con đường.
Vớ trí, gai chướng diệt.

*276. Buddhas just proclaim the Path
but you're the ones to strive.
Contemplatives who tread the Path
are freed from Mara's bonds*

276. Hãy nỗ lực tinh tấn,
Như Lai bậc dẫn đường.
Ai tu tập thiền định,
Ắt thoát vòng Ma vương.

*277. When with wisdom one discerns
transience of conditioned things
one wearily from dukkha turns
treading the Path to purity.*

277. Tất cả hành vô thường
Vớ Tuệ, quán thấy vậy
Chuyển hóa những khổ đau,
Theo con đường chánh đạo.

*278. When with wisdom one discerns
the dukkha of conditioned things
one wearily from dukkha turns
treading the Path to purity.*

*279. When with wisdom one discerns
all knowables are not a self
one wearily from dukkha turns
treading the Path to purity.*

*280. Though time to strive, not striving,
while young and strong yet indeed,
weak-minded and irresolute:
one finds not wisdom's way.*

*281. In speech ever watchful with mind
well-restrained
never with body do unwholesomeness.
So should one purify these three
kamma-paths
winning to the Way made known by the Seers.*

*282. From endeavour wisdom springs,
lacking effort wisdom wanes:
having known this two-fold path
either to progress or decline
so should one exhort oneself
that wisdom may increase.*

278. Tất cả hành khổ đau
VớI Tuệ, quán thấy vậy,
Chuyển hóa những khổ đau,
Theo con đường chánh đạo.

279. Tất cả pháp vô ngã,
VớI Tuệ, quán thấy vậy,
Chuyển hóa những khổ đau,
Theo con đường chánh đạo.

280. Khi cần, không nỗ lực,
Tuy trẻ mạnh, nhưng lười
Chí nhu nhược, biếng nhác.
VớI trí tuệ thụ động,
Sao tìm được chánh đạo?

281. Lời nói được thận trọng,
Tâm tư khéo hộ phòng,
Thân chớ làm điều ác,
Hãy giữ ba nghiệp tịnh,
Chứng đạo thánh nhân dạy.

282. Tu Thiền, trí tuệ sanh,
Bỏ Thiền, trí tuệ diệt.
Biết con đường hai ngã
Đưa đến hữu, phi hữu,
Hãy tự mình nỗ lực,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.

283. *The wood cut down but not a tree
since it's from wood that fear is born.
Having cut wood and woodedness
O bhikkhus be without a wood.*

284. *As long indeed as woodedness
of man to women is not cut
so long in bondage is one's mind
as milch-calf to the mother cow.*

285. *Cut off affection for oneself
as a hand a lily in the Fall.
Cultivate this peaceful Path,
Nibbana by the Buddha taught.*

286. *Here shall I spend the Rains,
here the Winter, here the Summer.
Thus speculates the fool,
the danger he knows not.*

287. *For one who has a clinging mind
and finds delight in babes and herds
Death does seize and carry away
as great flood a sleeping village.*

288. *No sons are there for shelter
nor father nor related folk,
one by the Death-king seized upon
in kin no shelter finds.*

KINH PHÁP CÚ

283. Đốn rừng không đốn cây
Từ rừng, sinh sợ hãi;
Đốn rừng* và ái dục,
Tỷ kheo, hãy tịch mịch.

* *Dục vọng*

284. Khi nào chưa cắt tiệt,
Ái dục giữa gái trai,
Tâm ý vẫn buộc ràng,
Như bò con vú mẹ.

285. Tự cắt dây ái dục,
Như tay bẻ sen thu,
Hãy tu đạo tịch tịnh,
Niết bàn, Thiện Thệ dạy.

286. Mùa mưa ta ở đây
Đông, hạ cũng ở đây,
Người ngu tâm tưởng vậy,
Không tự giác hiểm nguy.

287. Người tâm ý đắm say
Vì cháu con tiền của,
Tử thần bắt mang đi
Như lụt cuốn ngôi làng
Ngủ say trong đêm tối

288. Một khi tử thần đến,
Không cháu con che chở,
Không cha mẹ, bà con,
Không ruột thịt nương nhờ.

Chùa Phổ Giác
Enlightenment Buddhist Center
Novato, California-USA

289. *Having understood this fact
the wise by virtue well-restrained
swiftly then should clear the Path
leading to Nibbana.*

289. Biết rõ ý nghĩa này,
Bậc trí lo trì giới,
Hãy mau làm thanh tịnh,
Đường dẫn đến Niết bàn.



(273) *Con đường cao thượng hàng đầu
Là “Bát Chánh Đạo” nhiệm mầu biết bao,
Bốn điều chân lý tối cao
Là “Tứ Diệu Đế” dễ nào sánh ngang,
Không còn luyến ái vẩn vương
Là điều cao thượng thơm hương Niết Bàn,
Trong loài động vật hai chân
Thì Đáng Toàn Giác vô ngần tối cao.*

(276) *Các ngươi phải tự gắng công
Ta là thầy dạy chỉ đường mà thôi
Con đường giác ngộ tuyệt vời,
Tự ngươi thiền định theo nơi đúng đường
Thoát ra khỏi lưới Ma vương.*



(282) *Tu thiền trí tuệ phát sinh,
Bỏ thiền trí tuệ rời mình trôi ngay
Ai mà thông suốt điều này
Biết so lợi hại, dở hay đôi đường
Tự mình nỗ lực tăng cường
Thêm phần trí tuệ ngát hương thơm lành.*

XXI- Pakinnakavagga

Miscellaneous

290. *If one should see great happiness
in giving up small happiness
one wise the lesser would renounce
the greater full-discerning.*

291. *Who so for self wants happiness
by causing others pain,
entangled in anger's tangles
one's from anger never free.*

292. *What should be done is left undone
and done is what should not be done,
ever the pollutions grow
of those ones proud and heedless.*

293. *But for who always practice well
bodily mindfulness,
do never what should not be done,
and ever do what should be done
for mindful ones, the full-aware,
pollutions fade away.*

294. *One's mother and father having slain
and then two warrior kings,
a realm as well its treasurer,
one goes immune, a Brahmin True.*

Phẩm Tạp Lục

290. Nhờ từ bỏ lạc nhỏ,
Thấy được lạc lớn hơn,
Bậc trí bỏ lạc nhỏ,
Thấy được lạc lớn hơn.

291. Gieo khổ đau cho người,
Mong cầu lạc cho mình,
Bị hận thù trói buộc
Không thoát nổi hận thù.

292. Việc đáng làm, không làm,
Không đáng làm, lại làm,
Người ngạo mạn, phóng dật,
Lậu hoặc ắt tăng trưởng.

293. Người siêng năng cần mẫn,
Thường thường quán thân niệm,
Không làm việc không đáng,
Gắng làm việc đáng làm,
Người tư niệm giác tỉnh,
Lậu hoặc được tiêu trừ.

294. Sau khi giết mẹ cha¹
Giết hai vua Sát ly²
Giết vương quốc, quần thần³
Vô ưu, Phạm chí sống.
1.Ái dục và mạn. 2.Thường kiến và biên
kiến. 3. 12 xứ

295. *One's mother and father having slain
and then two learned kings,
as well the fifth, a tiger fierce,
one goes immune, a Brahmin True.*

295. Sau khi giết mẹ cha,
Hai vua Bà la môn
Giết hổ tướng thứ năm*
Vô ưu, Phạm chí sống.
*Nghị

296. *Well awakened, they're awake
ever the Buddha's pupils
who constantly by day, by night
are mindful of the Buddha.*

296. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác
Vô luận ngày hay đêm,
Thường tưởng niệm Phật Đà.

297. *Well awakened, they're awake
ever the Buddha's pupils
who constantly by day, by night
are mindful of the Dhamma.*

297. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Thường tưởng niệm Chánh
Pháp.

298. *Well awakened, they're awake
ever the Buddha's pupils
who constantly by day, by night
are mindful of the Sangha.*

298. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Thường tưởng niệm Tăng già.

299. *Well awakened, they're awake
ever the Buddha's pupils
who constantly by day, by night
are mindful of the body.*

299. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Thường tưởng niệm sắc thân.

300. *Well awakened, they're awake
ever the Buddha's pupils
who constantly by day, by night
in harmlessness delight.*

300. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Ý vui niềm bất hại.

*301. Well awakened, they're awake
ever the Buddha's pupils
who constantly by day, by night
in meditation take delight.*

*302. Hard's the going-forth, hard to
delight in it,
hard the household life and dukkha is it
too.
Dukkha's to dwell with those dissimilar
and dukkha befalls the wanderer.
Be therefore not a wanderer,
not one whom dukkha befalls.*

*303. Who's full of faith and virtue,
of substance, high repute,
is honoured everywhere,
wherever that one goes.*

*304. Afar the true are manifest
like Himalayan range,
yet even here the false aren't seen,
they're arrows shot by night.*

*305. Alone one sits, alone one lies,
alone one walks unweariedly,
in solitude one tames oneself
so in the woods will one delight.*

301. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Ý vui tu thiền quán.

302. Vui hạnh xuất gia khó,
Tại gia sinh hoạt khó,
Sống bạn không đồng, khổ,
Trôi lăn luân hồi, khổ.
Vậy chớ sống luân hồi,
Chớ chạy theo đau khổ.

303. Tín tâm, sống giới hạnh
Đủ danh xưng tài sản,
Chỗ nào người ấy đến,
Chỗ ấy được cung kính.

304. Người chánh hạnh ở xa
Sáng tỏ như núi tuyết,
Kẻ gian tà cạnh bên
Như mũi tên bắn lén.

305. Ai ngồi nằm một mình,
Độc hành không buồn chán,
Tự điều phục một mình
Rừng sâu thấy nẻo giác.



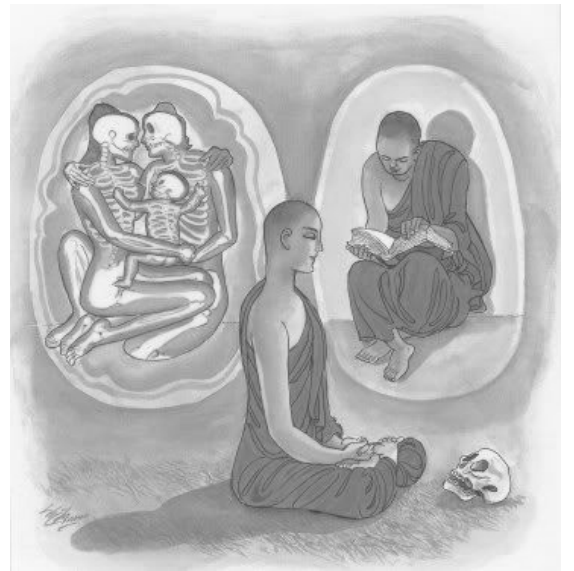


(291)

*Gieo đau gieo khổ cho người
Để mong cầu được niềm vui cho mình
Sẽ gây oán hận thật tình
Không sao thoát khỏi quẩn quanh hận thù.*

(293)

*Những người cần mẫn siêng năng
Thường lo quán sát kỹ càng bản thân
Không làm những việc chẳng cần,
Việc cần cố gắng chu toàn cho xong
Suy tư, sáng suốt, tinh khôn
Não phiền, tội lỗi không còn vương mang.*



(304)

*Người lành dầu ở chốn xa
Vẫn luôn tỏ rạng như là núi cao,
Còn như người ác lạ sao
Dù cho kẻ cận ai nào thấy đâu
Như tên bắn giữa đêm thâu.*

XXII- Nirayavagga

Hell

*306. With one denying truth there goes to hell
that one who having done says "I did not".
Both of them are making kammās base
are equal after death.*

*307. Many who wear the yellow robe
are unrestrained in evil things,
these evil ones by evil deeds,
in hell do they arise.*

*308. Better to eat a ball of iron
glowing as flame of fire
than one should eat country's alms
immoral and unrestrained.*

*309. Four things befall that heedless one
sleeping with one who's wed:
demerit gained but not good sleep,
third is blame while fourth is hell.*

KINH PHÁP CÚ

Phẩm Địa Ngục

306. Nói láo đọa địa ngục
Có làm nói không làm,
Cả hai chết đồng đẳng,
Làm người, nghiệp hạ liệt.

307. Nhiều người khoác cà sa,
Ác hạnh không nhiếp phục.
Người ác, do ác hạnh,
Phải sanh cõi Địa ngục.

308. Tốt hơn nuốt hòn sắt
Cháy đỏ như than hồng,
Hơn ác giới, buông lung
Ăn đồ ăn quốc độ.

309. Bốn nạn chờ đợi người,
Phóng dật theo vợ người ;
Mắc họa, ngủ không yên,
Bị chê là thứ ba,
Đọa địa ngục, thứ bốn.

Chùa Phổ Giác
Enlightenment Buddhist Center
Novato, California-USA

*310. Demerit's gained and evil birth,
scared man and women -- brief their joy,
the king decrees a heavy doom:
so none should sleep with one who's wed.*

*311. As blady grass when wrongly grasped
the hand does lacerate
so a mishandled monastic life
drags one off to hell.*

*312. Whatever of kammass slack,
whatever of vows corrupt,
a faltering in the holy life
never brings ample fruit.*

*313. If there's aught that should be done
let it be done then steadily,
in truth a slack monastic life
all the more stirs up the dust.*

*314. Better an evil deed not done
for misdeed later on torments.
Better done is deed that's good,
which done, does not torment.*

310. Mắc họa, đọa ác thú,
Bị hoảng sợ, ít vui.
Quốc vương phạt trọng hình.
Vậ chớ theo vợ người.

311. Như cỏ sa* vụng nắm,
Tất bị họa đứt tay.
Hạnh sa môn tà vạy,
Tất bị đọa địa ngục.

**Cỏ Kusa*

312. Sống phóng đãng buông
lung,
Theo giới cấm ô nhiễm,
Sống phạm hạnh đáng nghi
Sao chứng được quả lớn.

313. Cần phải làm, nên làm
Làm cùng tận khả năng
Xuất gia sống phóng đãng,
Chỉ tăng loạn bụi đời.

314. Ác hạnh không nên làm,
Làm xong, chịu khổ lụy,
Thiện hạnh, ắt nên làm,
Làm xong, không ăn năn.

*315. Even as a border town
guarded within and without,
so should you protect yourselves.
Do not let this moment pass
for when this moment's gone they grieve
sending themselves to hell.*

*316. They are ashamed where shame is not
but where is shame are not ashamed
so by embracing evil views
beings go to an evil birth.*

*317. They are afraid where fear is not
but where is fear are unafraid,
so by embracing evil views
beings go to an evil birth.*

*318. Faults they see where fault is not
but where is fault they see it not,
so by embracing evil views
beings go to an evil birth.*

*319. A fault they understand as such,
they know as well where fault is not,
so by embracing righteous views
beings go to a happy rebirth.*

315. Như thành ở biên thù,
Trong ngoài đều phòng hộ
Cũng vậy, phòng hộ mình,
Sát na chớ buông lung.
Giây phút qua, sầu muộn.
Khi rơi vào địa ngục.

316. Không xấu hổ, lại hổ.
Việc đáng hổ, lại không.
Do chấp nhận tà kiến,
Sanh vào cõi tối tăm.

317. Không đáng sợ, lại sợ,
Đáng sợ, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến.
Sanh vào cõi tối tăm.

318. Không lỗi, lại thấy lỗi,
Có lỗi, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Sanh vào cõi tối tăm.

319. Có lỗi, biết có lỗi,
Không lỗi, biết là không,
Do chấp nhận chánh kiến,
Sanh vào cõi an tịnh.



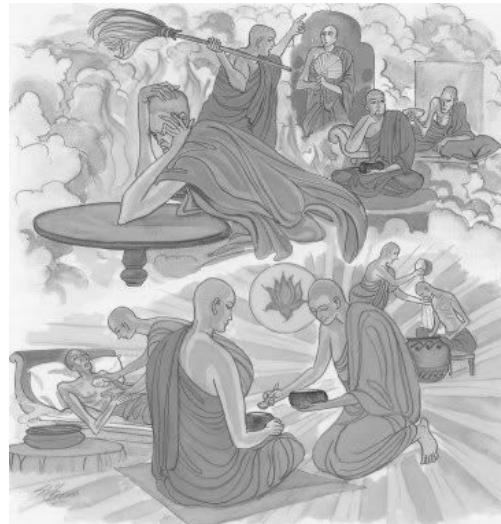


(309)

*Buông lung theo vợ, chồng người
Mắc vào bốn nạn khiến đời bất an:
Bản thân tội lỗi vương mang,
Ngủ đêm trần trọc, tâm can rối bời
Bà con khinh bỉ chê cười
Chết vào địa ngục là nơi đọa đày.*

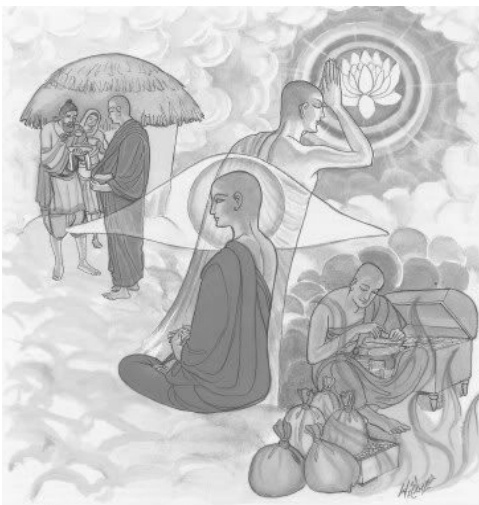
(314)

*Đừng làm ác, chẳng lợi gì!
Gieo đi độc ác, gặt về khổ đau
Làm lành, làm tốt cho mau
Không hề hối tiếc, trước sau đẹp lòng.*



(319)

*Khi làm lỗi, nhận lỗi mình
Khi không làm lỗi biết rằng không
Nghĩ suy sáng suốt luôn luôn
Đúng sai, phải trái nhận chân đôi đường
Cảnh nhàn chờ đón thơm hương.*



XXIII- Nagavagga

The Great

320. *Many folks are ill-behaved
but I shall endure abuse
as elephant in battlefield
arrows shot from a bow.*

321. *The tusker tamed they lead in crowds,
the king he mounts the tamed,
noblest of humans are the tamed
who can endure abuse.*

322. *Excellent are mules when tamed
and thoroughbred from Sindh,
noble the elephant of state,
better still one tamed of self.*

323. *Surely not on mounts like these
one goes the Unfrequented Way
as one by self well-tamed
is tamed and by the taming goes.*

324. *Hard to check the tusker Dhanapala,
in rut with temple running pungently,
bound, e'en a morsel he'll not eat
for he recalls the elephant-forest longingly.*

325. *A sluggard stupid, steeped in gluttony,
who's sleep-engrossed, who wallows as he lies,*

KINH PHÁP CÚ

Phẩm Voi

320. Ta như voi giữa trận
Hứng chịu cung tên rơi,
Chịu đựng mọi phỉ báng.
Ác giới rất nhiều người.

321. Voi luyện, đưa dự hội,
Ngựa luyện, được vua cưỡi,
Người luyện, bậc tối thượng
Chịu đựng mọi phỉ báng.

322. Tốt thay, con la thuần,
Thuần chủng loài ngựa Sindh.
Đại tượng, voi có ngà.
Tự điều mới tối thượng.

323. Chẳng phải loài cưỡi ấy,
Đưa người đến Niết bàn,
Chỉ có người tự điều,
Đến đích nhờ điều phục.

324. Con voi tên Tài Hộ,
Phát dục, khó điều phục,
Trói buộc, không ăn uống.
Voi nhớ đến rừng voi.

325. Người ưa ngủ, ăn lớn

*like a great porker stuffed, engorged with swill,
comes ever and again into a womb.*

*326. Formerly this wandering mind wandered
where it wished, where whim, where pleasure led.
Wisely this day I will restrain it
as trainer with hook an elephant in rut.*

*327. Do you delight in heedfulness
and guard your own mind well!
Draw yourselves from the evil way
as would elephant sunk in slough.*

*328. If for practice one finds a friend
prudent, well-behaved and wise,
mindful, joyful, live with him
all troubles overcoming.*

*329. If for practice one finds no friend
prudent, well-behaved and wise,
like king be leaving conquered land,
fare as lone elephant in the wilds.*

*330. Better it is to live alone
for with a fool's no fellowship,
no evil do, be free of care,
fare as lone elephant in the wilds.*

Nằm lãn lóc qua lại,
Chẳng khác heo no bụng,
Kẻ ngu nhập thai mãi.

326. Trước tâm này buông lung,
Chạy theo ái, dục, lạc.
Nay Ta chánh chế ngự,
Như cầm móc điều voi.

327. Hãy vui không phóng dật,
Khéo phòng hộ tâm ý.
Kéo mình khỏi ác đạo,
Như voi bị sa lầy.

328. Nếu được bạn hiền trí
Đáng sống chung, hạnh lành,
Nhiếp phục mọi hiểm nguy
Hoan hỷ sống chánh niệm.

329. Không gặp bạn hiền trí.
Đáng sống chung, hạnh lành
Như vua bỏ nước bại,
Hãy sống riêng cô độc,
Như voi giữa rừng voi.

330. Tốt hơn sống một mình,
Không người ngu kết bạn.
Độc thân, không ác hạnh
Sống vô tư vô lự,
Như voi giữa rừng voi.

331. *Blest to have friends when one's in need,
blest contentment with whatever is,
blessed is merit when life's at an end,
abandoning all dukkha is blessedness.*

331. Vui thay, lúc bạn cần!
Vui thay, sống biết đủ,
Vui thay, chết có đức!
Vui thay, mọi khổ đoạn.

332. *Respect for one's mother brings
happiness here
as well as respect for one's father.
Here happiness comes from respecting the
monks
and those of virtue excellent.*

332. Vui thay, hiếu kính mẹ,
Vui thay, hiếu kính cha,
Vui thay, kính Sa môn,
Vui thay, kính Hiền Thánh.

333. *Blest is virtue till life's end
and blest the faith standing firm,
blest the attainment of wisdom
and blest the non-doing of evils.*

333. Vui thay, già có giới!
Vui thay, tín an trú!
Vui thay, được trí tuệ,
Vui thay, ác không làm.



(321)

*Luyện voi dự hội, tài thay
Luyện voi vua cười cũng hay vô cùng,
Nhưng mà nếu luyện được lòng
Luôn luôn nhẫn nhục, chẳng còn nổi sân
Khi nghe phỉ báng bản thân
Mới là điều luyện, muôn phần tài hơn.*

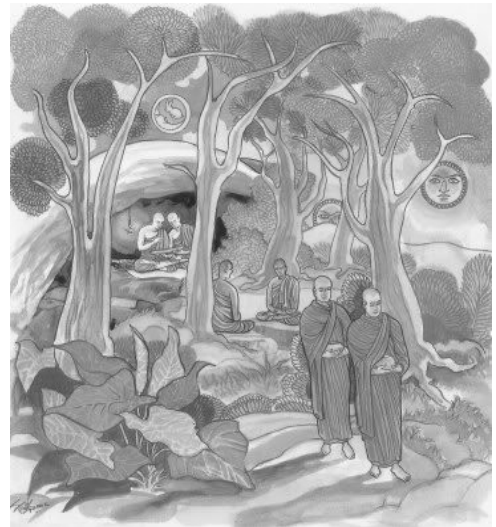


(327)

*Canh phòng tâm thật kỹ càng
Tươi vui, sáng suốt, siêng năng, nhiệt tình
Mình lo tỵ cứu lấy mình
Khỏi đường tà ác chúng sinh đọa đày
Như voi kia bị sa lầy
Rút chân gắng sức vượt ngay đầm bùn.*

(328)

*Nếu mà gặp bạn đồng hành Hiền lương, trí tuệ
cùng mình đi xa
Hãy vui sánh bước hoan ca
Bên người khôn khéo vượt qua hiểm nghèo.*



(333)

*Vui thay từ trẻ đến già
Luôn luôn giữ giới thiết tha chẳng rời,
Vui thay khi sống làm người
Niềm tin chân chánh muôn đời chẳng thay!
Vui thay trí tuệ tràn đầy!
Vui thay điều ác hàng ngày tránh xa!*



XXIV- Tanhavagga

Cravings

334. *As creeping ivy craving grows
in one living carelessly.
Like this, one leaps from life to life
as ape in the forest seeking fruit.*

335. *Whomsoever in this world
this wretched clinging craving routs
for such a one do sorrows grow
as grass well-soaked with rain.*

336. *But whoever in this world
routs wretched craving hard to quell,
from such a one do sorrows fall
like water drops from lotus leaf.*

337. *Prosperity to you, I say,
to all assembled here!
When needing grass's fragrant root
so craving extirpate.
Don't let Mara break you again,
again as a torrent a reed!*

338. *As tree though felled shoots up again
it its roots are safe and firm
so this dukkha grows again
while latent craving's unremoved.*

KINH PHÁP CÚ

Phẩm Tham Ái

334. Người sống đời phóng dật,
Ái tăng như dây leo.
Nhảy đời này đời khác,
Như vượn tham quả rừng.

335. Ai sống trong đời này,
Bị ái dục buộc ràng
Sầu khổ sẽ tăng trưởng,
Như cỏ Bi gặp mưa.

336. Ai sống trong đời này
Ái dục được hàng phục
Sầu rời khỏi người ấy
Như giọt nước lá sen.

337. Đây điều lành Ta dạy,
Các người tụ họp đây,
Hãy nhổ tận gốc ái
Như nhổ gốc cỏ Bi.
Chớ để ma phá hoại,
Như giòng nước cỏ lau.

338. Như cây bị chặt đốn,
Gốc chưa hại vẫn bền
Ái tùy miên chưa nhổ,
Khổ này vẫn sanh hoài.

Chùa Phổ Giác
Enlightenment Buddhist Center
Novato, California-USA

339. *For whom the six and thirty streams
so forceful flow to seemings sweet
floods of thought that spring from lust
sweep off such wrong viewholder.*

340. *Everywhere these streams are swirling,
up-bursting creepers rooted firm.
Seeing the craving-creeper there
with wisdom cut its root!*

341. *To beings there are pleasures streaming
sticky with desire,
steeped in comfort, happiness seeking,
such ones do come to birth, decay.*

342. *Who follow craving are assailed,
they tremble as the hare ensnared,
held fast by fetter and by bonds
so long they come to dukkha again.*

343. *Who follow craving are assailed,
they tremble as the hare ensnared,
so let a bhikkhu craving quell
whose aim is passionlessness.*

339. Ba mươi sáu dòng ái *,
Trôi người đến khả ái.
Các tư tưởng tham ái.
Cuốn trôi người tà kiến.

** tham ái có 3 loại: dục lạc, chấp hữu, chấp phi hữu; kết hợp với 6 căn và 6 trần thành 36 dòng ái.*

340. Dòng ái dục chảy khắp,
Như dây leo mọc tràn,
Thấy dây leo vừa sanh,
Vớ tuệ, hãy đoạn gốc.

341. Người đời nhớ ái dục,
Ưa thích các hỷ lạc.
Tuy mong cầu an lạc,
Chúng vẫn phải sanh già.

342. Người bị ái buộc ràng,
Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới.
Chúng sanh ái trói buộc,
Chịu khổ đau dài dài.

343. Người bị ái buộc ràng,
Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới.
Do vậy vị tỷ kheo,
Mong cầu mình ly tham
Nên nhiếp phục ái dục.

344. *Who without woodness inclines to
the wood.*

*Free in the wood to woodness returns.
Do now regard that person well
who free returns to fetter.*

345. *Neither of iron nor wood nor hemp
is bond so strong, proclaim the wise,
as passion's yearn for sons, for wives,
for gems and ornaments.*

346. *That bond is strong, proclaim the wise,
down-dragging, pliable, hard to loose.
This passion severed, they wander forth
forsaking sensual pleasures.*

347. *Ensnared in passion back they fall
as spider on a self-spun web.
This passion severed, wander the wise
forsaking dukkha all.*

348. *Let go before, let go the after,
let go the middle, beyond the becoming.
With mind released in every way
you'll come no more to birth, decay.*

KINH PHÁP CÚ

344. *Lìa rừng lại hướng rừng *
Thoát rừng chạy theo rừng.
Nên xem người như vậy,
Được thoát khỏi buộc ràng.
Lại chạy theo ràng buộc.*

** Lìa ái dục gia đình, lại
chạy theo khổ hạnh ở rừng núi*

345. *Sắt, cây, gai trói buộc
Người trí xem chưa bền.
Tham châu báu, trang sức
Tham vọng vợ và con.*

346. *Người có trí nói rằng:
Trói buộc này thật bền.
Trì kéo xuống, lún xuống,
Nhưng thật sự khó thoát.
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ dục lạc, không màng.*

347. *Người đắm say ái dục
Tự lao mình xuống dòng
Như nhện sa lưới dệt.
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi khổ, không màng.*

348. *Bỏ quá, hiện, vị lai,
Đến bờ kia cuộc đời,
Ý giải thoát tất cả,
Chớ vướng tại sanh già.*

*Chùa Phổ Giác
Enlightenment Buddhist Center
Novato, California-USA*

349. *For one who's crushed by thinking much
excessive lust from beauty's sight,
for that one craving grows the more,
that one makes strong the bonds.*

350. *But who delights in subduing evil
thoughts,
meditates on the impurities with
mindfulness,
that one indeed will make an End,
and will sever Mara's bonds.*

351. *One who's fearless, reached the End,
of craving and of blemish free,
who has becoming's thorn plucked out,
has this, a final body.*

352. *One of clinging-craving free,
who's skilled in way of chanting,
knowing the wording-sequence,
of what precedes and follows,
possessed of final body,
one greatly wise, "Great Person" called.*

353. *Beyond all beings, wise to all,
unsoiled by dhammas all am I,
left all and freed by craving's end,
by self I've known, whom teacher call?*

349. Kẻ vọng tâm tà ý,
Say đắm theo dục trần,
Tham ái ngày tăng trưởng,
Tự làm dây buộc thân.

350. Ai vui, an tịnh ý,
Quán bất tịnh, thường niệm,
Người ấy sẽ diệt ái,
Cắt đứt Ma trói buộc.

351. Ai tới đích không sợ,
Ly ái, không nhiễm ô
Nhổ mũi tên sanh tử,
Thân này thân cuối cùng.

352. Ái lìa, không chấp thủ.
Cú pháp khéo biện tài
Thấu suốt từ vô ngại,
Hiểu thứ lớp trước sau.
Thân này thân cuối cùng
Vị như vậy được gọi,
Bậc Đại trí, đại nhân.

353. Ta hàng phục tất cả,
Ta rõ biết tất cả,
Không bị nhiễm pháp nào.
Ta từ bỏ tất cả
Ái diệt, tự giải thoát.
Đã tự mình thắng trí,
Ta gọi ai thầy ta?

354. *Gift of Dhamma surpasses all gifts,
the Dhamma, its taste all other tastes beats,
delight in the Dhamma bests other delights,
destruction of craving conquers all ill.*

355. *Riches ruin a foolish one
but not one seeking the Further Shore,
craving for wealth a foolish one
is ruined as if ruining others.*

356. *Weeds are a fault of fields,
lust's a human fault,
thus offerings to the lustless
bear abundant fruit.*

357. *Weeds are a fault of fields,
hate's a human fault,
hence offerings to the hateless
bear abundant fruit.*

358. *Weed are the fault of fields,
delusion, human's faults,
so gifts to the undeluded
bear abundant fruit.*

359. *Weed are the fault of fields,
desire, human's faults,
so gifts to the desireless
bear abundant fruit.*

354. Pháp thí, thắng mọi thí!
Pháp vị, thắng mọi vị!
Pháp hủy, thắng mọi hủy!
Ái diệt, thắng mọi khổ!

355. Tài sản hại người ngu.
Không người tìm bờ kia
Kẻ ngu vì tham giàu,
Hại mình và hại người.

356. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Tham làm hại người đời.
Bố thí người ly tham,
Do vậy được quả lớn.

357. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Sân làm hại người đời.
Bố thí người ly sân,
Do vậy được quả lớn.

358. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Si làm hại người đời,
Bố thí người ly si,
Do vậy được quả lớn.

359. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Dục làm hại người đời.
Bố thí người ly dục,
Do vậy được quả lớn.





338)

*Đón cây mà chẳng chịu đào
Hết luôn gốc rễ bám vào đất sâu
Thì cây lại mọc ra mau,
Đoạn trừ ái dục khác nào đốn cây
Đoạn cho căn gốc sạch ngay
Nếu không khổ nào mãi quay trở về.*

(348)

*Mặc cho quá khứ trôi đi
Nú chi hiện tại, chờ gì tương lai
Rời mau bến thăm cuộc đời
Vượt qua bờ nợ là nơi tuyệt vời
Khi tâm đã giải thoát rồi
Đâu còn sinh lão nôi trôi xoay vần.*



(357)

*Cỏ hoang làm hại ruộng vườn
Lòng sân gây hại nhiều hơn cho người,
Ai lìa sân hận được rồi
Cúng dường vị ấy chẳng nơi nào bằng
Hưởng về phước báu vô vàn.*

XXV- Bhikkhuvagga

The Monk

*360. Right is restraint in the eye,
restraint in the ear is right,
right is restraint in the nose,
restraint in the tongue is right.*

*361. Right is restraint in the body,
restraint in speech is right,
right is restraint in the mind,
everywhere restraint is right.
The bhikkhu everywhere restrained
is from all dukkha free.*

*362. With hands controlled and feet
controlled,
in speech as well as head controlled,
delighting in inward collectedness
alone, content, a bhikkhu's called.*

*363. Whatever bhikkhu tongue-controlled
speaks wisely and who is not proud,
who theory and practice can expound,
sweet as honey is his speech.*

*364. The bhikkhu who in Dhamma dwells,
in Dhamma delighting and pondering,
remembering the Dhamma -- he
does not decline from Dhamma True.*

KINH PHÁP CÚ

Phẩm Tỷ Kheo

360. Lành thay, phòng hộ mắt!
Lành thay, phòng hộ tai!
Lành thay, phòng hộ mũi!
Lành thay, phòng hộ lưỡi.

361. Lành thay phòng hộ thân!
Lành thay, phòng hộ lời,
Lành thay, phòng hộ ý.
Lành thay, phòng tất cả.
Tỷ kheo phòng tất cả,
Thoát được mọi khổ đau.

362. Người chế ngự tay chân,
Chế ngự lời và đầu,
Vui thích nội thiền định,
Độc thân, biết vừa đủ,
Thật xứng gọi tỷ kheo.

363. Tỷ kheo chế ngự miệng,
Vừa lời, không cống cao,
Khi trình bày pháp nghĩa,
Lời lẽ dịu ngọt ngào.

364. Vị tỷ kheo thích Pháp,
Mến pháp, suy tư Pháp.
Tâm tư niệm chánh Pháp,
Không rời bỏ chánh Pháp.

Chùa Phổ Giác
Enlightenment Buddhist Center
Novato, California-USA

365. *He should not disdain his gains
nor live of others envious,
the bhikkhu who is envious
does not attain collectedness.*

366. *Disdaining not his gains,
though little he receives,
pure of life and keen
that bhikkhu devas praise.*

367. *For whom there is no making "mine"
towards all name and form,
who does not grieve for what is not,
he's truly "bhikkhu" called.*

368. *The bhikkhu in kindness abiding,
bright in the Buddha's Teaching
can come to the Place of Peace,
the bliss of conditionedness ceased.*

369. *O bhikkhu bail this boat,
when emptied it will swiftly go.
Having severed lust and hate
thus to Nibbana you'll go.*

370. *Five cut off and five forsake,
a further five then cultivate,
a bhikkhu from five fetter free
is called a "Forder of the flood".*

1. Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục ái, sân.
minh. 3 Tín, tấn, niệm, định, tuệ. 4 Năm trói
5 Bộc lưu: dòng nước lũ

KINH PHÁP CÚ

365. Không khinh điều mình
được,
Không ganh người khác được,
Tỷ kheo ganh tỵ người,
Không sao chứng Thiên Định.

366. Tỷ kheo dầu được ít,
Không khinh điều mình được,
Sống thanh tịnh không nhác,
Chư thiên khen vị này.

367. Hoàn toàn, đổi danh sắc,
Không chấp Ta, của Ta.
Không chấp, không sầu não.
Thật xứng danh Tỷ kheo.

368. Tỷ kheo trú Từ Bi,
Tín thành giáo Pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh.
Các hạnh an tịnh lạc.

369. Tỷ kheo, tát thuyền này,
Thuyền không, nhẹ đi mau.
Trừ tham, diệt sân hận,
Tất chứng đạt Niết Bàn.

370. Đoạn năm¹, từ bỏ năm²,
Tu tập năm³ tối thượng,
Tỷ kheo cắt năm trói⁴,
Xứng danh vượt "bộc lưu"⁵.

2. Sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô
buộc: tham, sân, si, mạn, tà kiến

Chùa Phổ Giác
Enlightenment Buddhist Center
Novato, California-USA

*371. Meditate bhikkhu! Don't be heedless!
Don't let pleasures whirl the mind!
Heedless, do not gulp a glob of iron!
Bewail not when burning, "This is dukkha"!*

*372. No concentration wisdom lacks,
no wisdom concentration lacks,
in whom are both these qualities
near to Nibbana is that one.*

*373. The bhikkhu gone to a lonely place
who is of peaceful heart
in-sees Dhamma rightly,
knows all-surpassing joy.*

*374. Whenever one reflects
on aggregates' arise and fall
one rapture gains and joy.
'Tis Deathless for Those-who-know.*

*375. Here's indeed the starting point
for the bhikkhu who is wise,
sense-controlled, contented too,
restrained to limit freedom ways,
in company of noble friends
who're pure of life and keen.*

371. Tỷ kheo, hãy tu thiền,
Chớ buông lung phóng dật,
Tâm chớ đắm say dục,
Phóng dật, nuốt sắt nóng
Bị đốt, chớ than khổ!

372. Không trí tuệ, không thiền,
Không thiền, không trí tuệ.
Người có thiền có tuệ,
Nhất định gần Niết Bàn.

373. Bước vào ngôi nhà trống,
Tỷ kheo tâm an tịnh,
Thọ hưởng vui siêu nhân,
Tịnh quán theo chánh pháp.

374. Người luôn luôn chánh niệm,
Sự sanh diệt các uẩn,
Được hoan hỷ, hân hoan,
Chỉ bậc bất tử biết.

375. Đây Tỷ kheo có trí,
Tu tập pháp căn bản
Hộ căn, biết vừa đủ,
Gìn giữ căn bản giới,
Thường gần gũi bạn lành,
Sống thanh tịnh tinh cần.

376. *One should be hospitable
and skilled in good behaviour,
thereby greatly joyful
come to dukkha's end.*

377. *Just as the jasmine sheds
its shrivelled flowers all,
O bhikkhus so should you
lust, aversion shed.*

378. *That bhikkhu calmed of body, speech,
calmed and well-composed of mind,
who world-enjoyments has renounced,
"one calmed" indeed is truly called.*

379. *By yourself exhort yourself!
By yourself restrain yourself!
So mindful and self-guarded too,
happily, bhikkhu, will you live.*

380. *Oneself is refuge of oneself
and one is a haven for oneself,
therefore one should check oneself
as a merchant with a splendid horse.*

381. *The bhikkhu full of joy and faith,
bright in the Buddha's Teaching
can come to the Place of Peace,
the bliss of conditionedness ceased.*

376. Giao thiệp khéo thân thiện,
Cử chỉ mực đoan trang.
Do vậy hưởng vui nhiều,
Sẽ dứt mọi khổ đau.

377. Như hoa Vassika *,
Quăng bỏ cánh úa tàn,
Cũng vậy vị Tỷ kheo,
Hãy giải thoát tham sân.
* *Bông lài.*

378. Thân tịnh, lời an tịnh,
An tịnh, khéo thiền tịnh.
Tỷ kheo bỏ thế vật,
Xứng danh bậc tịch tịnh.

379. Tự mình chỉ trích mình,
Tự mình dò xét mình,
Tỷ kheo tự phòng hộ,
Chánh niệm trú an lạc.

380. Tự mình y chỉ mình,
Tự mình đi đến mình,
Vậy hãy tự điều phục,
Như khách buôn ngựa hiền.

381. Tỷ kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc.

382. Surely that youthful bhikkhu who
strives in the Buddha's Teaching
illuminates all this world
as moon when free from clouds.

382. Tỳ kheo tuy tuổi nhỏ
Siêng tu giáo pháp Phật,
Soi sáng thế gian này,
Như trăng thoát khỏi mây.



(363)

Tỳ Kheo ngôn ngữ thuần rồi
Nói câu khôn khéo, tránh lời tự cao
Thì khi giảng Pháp ngọt ngào
Muôn phần êm dịu, xiết bao rõ ràng.

(367)

Thân tâm, danh sắc biết ra
Cái “ta” không chấp, “của ta” chẳng màng,
Ưu tư, sầu não sẽ tan
Khi “ta” không chấp, chẳng màng “của ta”
Người như vậy thật cao xa
Xứng danh đáng được gọi là Tỳ Kheo.



XXVI- Brahmanavagga

The Brahmana

383. *O brahmin, strive and cleave the stream,
desires of sense discard,
knowing conditioned things decay
be Knower-of-the-Uncreated.*

384. *When by the twofold Dhamma
a Brahmin's gone beyond
all the bonds of One-who-Knows
have wholly disappeared.*

385. *For whom is found no near or far,
for whom's no near and far,
free of fear and fetter-free,
that one I call a Brahmin True.*

386. *Seated stainless, concentrated,
who's work is done, who's free of taints,
having attained the highest aim,
that one I call a Brahmin True.*

387. *The sun is bright by day,
the moon enlightens the night,*

KINH PHÁP CÚ

Phẩm Bà La Môn

383. Hỡi này Bà-la-môn,
Hãy tinh tấn đoạn lòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Ngươi là bậc vô vi.

384. Nhờ thường trú hai pháp*
Đến được bờ bên kia.
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử dứt sạch.

* *Thiền Chỉ và Thiền Quán*

385. Không bờ này, bờ kia *
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc
Ta gọi Bà-la-môn.

* *6 nội xứ, 6 ngoại xứ*

386. Tu thiền, trú ly trần
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. Mặt trời sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm.

*Chùa Phổ Giác
Enlightenment Buddhist Center
Novato, California-USA*

*armoured shines the warrior,
contemplative the Brahmin True.
But all day and night-time too
resplendent does the Buddha shine.*

*388. By barring-out badness a "brahmin"
one's called
and one is a monk by conduct serene,
banishing blemishes out of oneself
therefore one's known as "one who has
left home".*

*389. One should not a brahmin beat
nor for that should He react.
Shame! Who would a Brahmin beat,
more shame for any should they react.*

*390. For brahmin no small benefit
when mind's aloof from what is dear.
As much he turns away from harm
so much indeed does dukkha die.*

*391. In whom there is no wrong-doing
by body, speech or mind,
in these three ways restrained,
that one I call a Brahmin True.*

Khí giới sáng ban đêm.
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí.
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.

388. Dứt ác gọi Phạm chí,
Tịnh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cấu uế,
Nên gọi bậc xuất gia.

389. Chớ có đập Phạm chí!
Phạm chí chớ đập lại!
Xấu thay đập Phạm chí
Đập trả lại xấu hơn!

390. Đối với Bà-la-môn,
Đây* không lợi ích nhỏ.
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

** sự trả đũa, trả thù*

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh
Ba nghiệp được phòng hộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

392. *From whom one knows the Dhamma
by Perfect Buddha taught
devoutly one should honour them
as brahmin sacred fire.*

393. *By birth one is no brahmin,
by family, austerity.
In whom are truth and Dhamma too
pure is he, a Brahmin's he.*

394. *Dimwit! What's the coiled hair for?
For what your cloak of skins?
Within you are acquisitive,
you decorate without!*

395. *One enduring rag-robles, lean,
with body o'erspread by veins,
lone in the woods who meditates,
that one I call a Brahmin True.*

396. *I call him a brahmin though
by womb-born mother's lineage,
he's just supercilious
if with sense of ownership,
owning nothing and unattached:
that one I call a Brahmin True.*

397. *Who fetters all has severed
does tremble not at all,
who's gone beyond all bond, unyoked,
that one I call a Brahmin True.*

KINH PHÁP CÚ

392. Từ ai, biết chánh pháp
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
Như Phạm chí thờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng suông.

395. Người mặc áo đồng rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng.
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh.
Chỉ được gọi tên suông
Nếu tâm còn phiền não.
Không phiền não, chấp trước
Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn kết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ
Không đấm trước buộc ràng
Ta gọi Bà-la-môn.

Chùa Phổ Giác
Enlightenment Buddhist Center
Novato, California-USA

398. *When cutting strap and reins,
the rope and bridle too,
tipping the shaft, he's Waked,
that one I call a Brahmin True*

1.Hận; 2.Ái; 3.Tà kiến 4. Tùy miên; 5.Vô minh

399. *Who angerless endures abuse,
beating and imprisonment,
with patience's power, an armed might:
that one I call a Brahmin True.*

400. *Who's angerless and dutiful,
of virtue full and free of lust,
who's tamed, to final body come,
that one I call a Brahmin True.*

401. *Like water on a lotus leaf,
or mustard seed on needle point,
whoso clings not to sensual things,
that one I call a Brahmin True.*

402. *Whose in this world comes to know
cessation of all sorrow,
laid down the burden, freed from bonds,
that one I call a Brahmin True.*

403. *Whose knowledge is deep, who's wise,
who's skilled in ways right and wrong,
having attained the highest aim,
that one I call a Brahmin True.*

KINH PHÁP CÚ

398. Bỏ đai da¹, bỏ cương²
Bỏ dây³, đờ sở thuộc⁴
Bỏ then chốt⁵, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy nhẫn làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bốn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hạt cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo
Chứng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

Chùa Phổ Giác
Enlightenment Buddhist Center
Novato, California-USA

404. *Aloof alike from laity
and those gone forth to homelessness,
who wanders with no home or wish,
that one I call a Brahmin True.*

405. *Who blows to beings has renounced
to trembling ones, to bold,
who causes not to kill nor kills,
that one I call a Brahmin True.*

406. *Among the hostile, friendly,
among the violent, cool
detached amidst the passionate,
that one I call a Brahmin True.*

407. *From whomever lust and hate,
conceit, contempt have dropped away,
as mustard seed from a point of a needle,
that one I call a Brahmin True.*

408. *Who utters speech instructive,
true and gentle too,
who gives offence to none,
that one I call a Brahmin True.*

409. *Who in the world will never take
what is not given, long or short,
the great or small, the fair or foul,
that one I call a Brahmin True.*

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đối chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Ôn hòa giữa bạo động,
Thân thiện giữa địch thù,
Buông xả giữa chấp thủ,
Ta gọi Bà la môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,
Không mạn không ganh tị,
Như hạt cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

*410. In whom there are no longings found
in this world or the next,
longingless and free from bonds,
that one I call Brahmin True.*

*411. In whom there is no dependence found,
with Final Knowledge freed from doubt,
who's plunged into the Deathless depths,
that one I call a Brahmin True.*

*412. Here who's gone beyond both bonds,
to goodness and to evil too,
is sorrowless, unsullied, pure,
that one I call a Brahmin True.*

*413. Who, like the moon, unblemished, pure,
is clear and limpid, and in whom
delights in being a consumed,
that one I call a Brahmin True.*

*414. Who's passed this difficult path,
delusion's bond, the wandering-on,
who's crossed beyond, contemplative,
uncraving with no questioning doubt,
no clinging's fuel so cool become,
that one I call a Brahmin true.*

*415. Who has abandoned lusting here
as homeless one renouncing all,
with lust and being quite consumed,
that one I call a Brahmin True.*

KINH PHÁP CÚ

410. Cả đời nay, đời sau,
Không vọng cầu thôi thúc,
Giải thoát hết tham dục,
Ta gọi Bà la môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện, ác,
Không sàu, sạch không bụi
Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trăng sạch không ố
Sáng trong và tịnh lặng,
Hữu ái được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiền định
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời đoạn dục,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

Chùa Phổ Giác
Enlightenment Buddhist Center
Novato, California-USA

*416. Who has abandoned lusting here
as homeless one renouncing all,
with lust and being quite consumed,
that one I call a Brahmin True.*

416. Ai ở đời đoạn ái
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

*417. Abandoned all human bonds
and gone beyond the bonds of gods,
unbound one is from every bond,
that one I call a Brahmin True.*

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời.
Giải thoát mọi ràng buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

*418. Abandoned boredom and delight,
become quite cool and assetless,
a hero, All-worlds-Conqueror,
that one I call a Brahmin True.*

418. Từ bỏ niềm ưa ghét,
Thanh lương, không nhiễm ô,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Quyết nhiếp phục thế giới,
Ta gọi Bà la môn.

*419. Who knows how clutching creatures die
to reappear in many a mode,
unclutching then, sublime, Awake,
that one I call a Brahmin True.*

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

*420. Whose destination is unknown
to humans, spirits or to gods,
pollutions stayed, an Arahant,
that one I call a Brahmin True*

420. Với ai, loài trời, người
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ thọ sanh
Lậu tận bậc La-hán.
Ta gọi Bà-la-môn.

*421. That one who's free of everything
that's past, that's present, yet to be,
who nothing owns, who's unattached,
that one I call a Brahmin True.*

*422. One noble, most excellent, heroic too,
great sage and one who conquers all,
who's faultless, washed, one Awake,
that one I call a Brahmin True.*

*423. Who so does know of former lives
and sees the states of bliss and woe
and then who's reached the end of births,
a sage supreme with wisdom keen,
complete in all accomplishments,
that one I call a Brahmin True.*

421. Ai quá, hiện, vị lai
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bạc trâu chúa, thù thắng
Bạc anh hùng, đại sĩ,
Bạc chiến thắng, không nhiễm,
Bạc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận
Thắng trí, tự viên thành
Bạc mâu ni đạo sĩ.
Viên mãn mọi thành tựu
Ta gọi Bà-la-môn.





(387) Mặt trời chiếu sáng ban ngày
Mặt trăng đêm xuống tỏa đầy ánh quang,
Guom đao, nhung giáp huy hoàng
Trận tiền chiếu sáng rõ ràng cho Vua,
Bà La Môn vốn từ xưa
Hào quang chiếu sáng khi tu hành thiền,
Nhưng hào quang Phật vô biên
Ngày đêm chiếu sáng khắp miền nhân gian.


(388) Người mà nghiệp ác dốt xa
Xứng danh tên gọi là Bà La Môn
Người mà an tịnh luôn luôn
Xứng danh tên gọi Sa Môn tu hành,
Người mà ô nhiễm diệt nhanh
Mới là một bậc thuần thành xuất gia.



(392) Ai mà hướng dẫn cho ta
Hiểu thông giáo lý Phật Đà cao xa
Ta nên kính lễ thiết tha
Như người thờ lửa dòng Bà La Môn (*)
Thành tâm kính lễ lửa thần.

(*) Bà La Môn: ở đây, riêng trong câu này, chỉ giáo đồ Bà La Môn

(423) Thánh hiền không chỉ thấy rành
Cuộc đời quá khứ của mình mà thôi,
Thấy thêm nhàn nhã cảnh trời
Thấy luôn cõi khổ nơi nơi đọa đầy,
Tử sinh chắm dứt đời này,
Tự mình cải tiến được ngay cho mình
Nhờ vào trí tuệ tinh anh, Trọn đời đạo hạnh tốt lành thiêng liêng
Bao nhiêu dục vọng dứt liền, Bà La Môn thật xứng tên vô cùng.



Nguyên đem công đức này
Hương về khắp tất cả
Mọi pháp giới chúng sanh
Cùng tinh tấn tu hành
Thoát chấp ngã vô minh
Đều trọn thành Phật đạo.

This book is for free distribution. It is not for sale.